



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**10**

Tháng 5 - 2012

# Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2011

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2012



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình trao Bằng khen cho 250 cá nhân điển hình tiên tiến toàn quốc ngành Xây dựng

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BA**

**10**

**SỐ 10- 5/2012**

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về một số 5  
giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ  
trợ thị trường
- Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 6  
phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ  
sắp xếp và phát triển doanh nghiệp
- Quyết định số 545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 7  
phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020
- Thông tư số 01/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng 9  
dẫn thủ tục cấp giấy phép thầu và quản lý nhà thầu nước  
ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam
- Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên 10  
và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô  
nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
- Thông tư số 83/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng 12  
dẫn thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về  
một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh  
doanh, hỗ trợ thị trường

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 1257/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân 13  
tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu  
xây dựng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến  
năm 2025



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

## Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Dự thảo Tiêu chuẩn “Màng địa kỹ thuật HDPE - Yêu cầu kỹ thuật & Màng địa kỹ thuật HDPE - Phương pháp thử” 17
- Hội thảo “Công nghệ xanh: Xử lý nước thải sinh hoạt theo mô-đun” 18
- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải thành phố Hải Phòng đến năm 2025 20
- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 21
- Kiểm soát chất lượng của lớp chống thấm mái SBS 23
- Xử lý các vấn đề thường gặp về chất lượng thi công hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng 25
- Từ câu thần chú “Vùng ơi mở ra!” tới bộ điều khiển từ xa 28
- Vữa bê tông trộn sẵn - thực tiễn sản xuất và ứng dụng trên thế giới 32

## Thông tin

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp thân mật Ngài Ranjit Rae - Đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam 35
- Hội nghị biểu dương Điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2011 36
- Hội thảo Kinh nghiệm của thành phố YOKOHAMA trong công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị 37
- Đề án nâng cấp Trường trung cấp xây dựng số 4 thành Trường cao đẳng xây dựng miền Bắc 40
- Nâng cao chức năng xây dựng và hài hòa môi trường sống của đô thị 42
- Xây dựng nhà thấp tầng trong các đô thị lớn 45



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường**

Ngày 10/5/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, trong đó có các giải pháp gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập đối với một số doanh nghiệp; giảm tiền thuê đất; miễn thuế môn bài năm 2012 đối với hộ đánh bắt hải sản và hộ sản xuất muối.

Nghị quyết nêu rõ, Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động bám sát tình hình thực tế, tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/1/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012 và các biện pháp thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế.

Đồng thời, Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

Theo Nghị quyết này, Chính phủ cho phép gia hạn 6 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng 4, tháng 5 và tháng 6 năm 2012 đối với 2 nhóm doanh nghiệp sau đây đang thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ: Doanh nghiệp nhỏ và vừa,

không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc Tập đoàn kinh tế, tổng công ty; Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Chính phủ cũng gia hạn 9 tháng thời hạn nộp thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2011 trở về trước mà chưa nộp vào ngân sách nhà nước (không bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn theo Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg ngày 19/1/2012 về việc gia hạn nộp thuế thêm 3 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động) của doanh nghiệp quy định tại nhóm 1 và nhóm 2 nêu trên và của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, vận tải đường thủy (bao gồm cả vận tải thủy nội địa và vận tải biển), sản xuất thép, xi măng.

Chính phủ quyết nghị giảm 50% tiền thuê đất phải nộp của năm 2012 theo quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đang được Nhà nước cho thuê đất mà năm 2012 phải xác

định đơn giá thuê đất theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Bên cạnh đó, gia hạn tối đa 12 tháng thời hạn nộp tiền sử dụng đất đối với các chủ đầu tư dự án có khó khăn về tài chính. UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định thời gian gia hạn cụ thể cho từng dự án, nhóm dự án sau khi báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp.

Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, doanh nghiệp được xếp hạng 1, hàng đặc biệt thuộc Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các doanh nghiệp quy định tại nhóm 2 nêu trên.

Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục hạ mặt bằng lãi suất cho vay, ưu tiên đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn; doanh nghiệp vừa và nhỏ; doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Đồng thời, thực hiện các biện

pháp cơ cấu lại nợ (thời hạn trả nợ, lãi suất, cho vay mới trả nợ cũ,...) và các giải pháp khác cần thiết, phù hợp với từng loại hình, lĩnh vực sản xuất kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vay được vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, nhất là đối với những doanh nghiệp có triển vọng phát triển, có sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường nhưng đang gặp khó khăn về tài chính.

Ngoài các giải pháp trên, Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các biện pháp thiết thực, hiệu quả để đẩy nhanh việc thực hiện, giải ngân vốn đầu tư đối với các dự án, chương trình trong phạm vi quản lý, nhất là đối với vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm đúng đối tượng, hiệu quả và theo đúng quy định. Thực hiện các biện pháp phù hợp để tăng cường thu hút, đẩy nhanh giải ngân các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)... Thực hiện các biện pháp để huy động 2.000 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn cho vay đầu tư kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và làng nghề ở nông thôn.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp**

Ngày 10/5/2012 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Theo Quyết định này, chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để quản lý tập trung, thống nhất, có hiệu quả các nguồn thu từ phần vốn

nhà nước góp tại các doanh nghiệp, bao gồm cả các nguồn thu từ quá trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Nguồn thu của Quỹ là từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán,

giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; Các khoản thu từ sau cổ phần hóa; Khoản lợi nhuận được chia, cổ tức của phần vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp đã thực hiện chuyển đổi do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ; Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại; Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định này, Quỹ được sử dụng để hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề tài chính theo quy định của pháp luật. Quỹ còn được dùng để hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật.

Quỹ chi cho việc đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước. Ngoài ra, Quỹ còn chi cho các khoản đầu tư vào dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ quyết định điều hòa nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bảo đảm mục tiêu đầu tư các dự án quan trọng, đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc diện nhà nước cần góp vốn hoặc bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa được nhà nước cấp đủ vốn.

Việc điều hòa Quỹ phải bảo đảm không gây ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp tại Công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con. Đồng thời cũng phải đảm bảo phù hợp với tiến độ triển khai của các dự án quan trọng hoặc kế hoạch bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2012.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020**

Ngày 09/05/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 545/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020. Với mục tiêu

toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2020 trở thành tỉnh có nền kinh tế tăng trưởng bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ; tạo

sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn trở thành trung tâm đầu mối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Quan điểm phát triển trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực. Phát huy nội lực kết hợp với thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cân đối, hài hòa giữa chiều sâu và chiều rộng, tạo sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội của Vùng và với các tỉnh trong tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, phấn đấu từng bước trở thành trung tâm đầu mối quan trọng của tuyến hành lang kinh tế này.

Toàn Tỉnh phấn đấu đến năm 2015 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt trên 10%; GDP bình quân đầu người đạt 1600 USD; tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 34% - 24% - 42%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 43 - 44 nghìn tỷ đồng. Đến năm 2020: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 9 - 10%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2600 USD; tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 28% - 28% - 44%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 64 - 66 nghìn tỷ đồng.

Ưu tiên phát triển công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh như sản xuất xi măng, vật liệu xây

dựng, chế biến nông lâm sản, lắp ráp, điện tử, cơ khí nhỏ, tái chế và sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng và công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, các làng nghề để tận dụng nguồn nguyên liệu và nhân công tại chỗ; đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Việc phát triển kết cấu hạ tầng tập trung phát triển các tuyến đường liên huyện; cứng hóa mặt đường xã, thôn, bản; phấn đấu đến năm 2015 có 65% đường giao thông nông thôn được cứng hóa và đạt trên 90% vào năm 2020; nghiên cứu xây dựng các tuyến đường ra biên giới, đường nối từ đường hành lang biên giới lên đường tuần tra biên giới, đường tuần tra biên giới trên đất liền; các cầu lớn vượt sông như: Cầu Thác Mạ, cầu Na Sầm; cầu Hùng Việt, cầu Lộc Bình phù hợp với nguồn lực của từng giai đoạn.

Về hệ thống cấp, thoát nước toàn tỉnh thì cần đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu nước sinh hoạt và nước sản xuất cho các khu dân cư và các khu công nghiệp; tập trung hoàn thành đầu tư nhà máy xử lý nước mặt lấy từ Hồ Nà Tâm và nhà máy xử lý nước mặt sông Kỳ Cùng; triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư cấp nước tại các thị trấn, nâng cấp các dự án cấp nước hiện có; phấn đấu đến năm 2020 cơ bản các thị trấn đều có hệ thống cấp nước sạch đồng bộ; Đồng thời đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp tại các khu đô thị và khu công nghiệp; phấn đấu đến năm 2015, tại khu vực thành phố và thị trấn, các khu đông dân cư không có điểm ngập úng cục bộ; khuyến khích xây dựng các ao hồ nhỏ để thoát nước cục bộ tại các khu vực nông thôn; tranh thủ nguồn nước thải sau khi đã được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng để phục vụ sản xuất.

Tỉnh Lạng Sơn định hướng đầu tư phát triển đô thị hạt nhân là thành phố Lạng Sơn; các đô thị vệ tinh là thị trấn trung tâm các vùng kinh tế



trọng điểm trong tỉnh. Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống dân cư kết hợp với xây dựng thể trận phòng thủ vững chắc. Tổ chức các không gian phát triển đô thị, hành lang đô thị, cụm đô thị trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020, nâng cấp đô thị cho thành phố Lạng Sơn và thị trấn Đồng Đăng, nghiên cứu thành lập mới thị trấn Tân Thanh, thị trấn Chi Ma và thị trấn huyện lỵ mới của huyện Cao Lộc.

Nhu cầu vốn đầu tư của toàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 110.000 tỷ đồng, trong đó thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 44.000 nghìn tỷ đồng, thời kỳ 2016 - 2020 là 66.000 tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của địa phương; đồng thời, cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, tỉnh Lạng Sơn cũng cần phải tăng cường hợp

tác phát triển giữa Lạng Sơn với các tỉnh, thành phố trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; mở rộng hợp tác, liên kết chặt chẽ với các địa phương trong cả nước để phát triển trong các lĩnh vực: xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường, phát triển nguồn nhân lực. Chủ động tăng cường quan hệ hợp tác với Trung Quốc, đặc biệt với tỉnh Quảng Tây trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa; giải quyết tốt các vấn đề liên quan tới biên giới, trao đổi biên mậu; đảm bảo an ninh trên toàn tuyến biên giới và sự lưu thông hàng hóa thông suốt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Thông tư số 01/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thầu và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam**

Ngày 08/05/2012, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2012/TT-BXD hướng dẫn về thủ tục cấp giấy phép thầu và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Theo Thông tư này, Bộ Xây dựng có quyền cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm A và các gói thầu khác thuộc dự án trên địa bàn hai tỉnh trở lên; điều chỉnh và thu hồi giấy phép thầu do Bộ cấp; yêu cầu Sở Xây dựng thu hồi giấy phép thầu nếu nhà thầu vi phạm hoặc giấy phép thầu do Sở Xây dựng cấp không đúng quy định. Sở Xây dựng địa phương cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B, C tại địa phương và cho nhà thầu nước

ngoài là cá nhân thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng tại địa phương nơi có dự án hoặc nơi chủ đầu tư dự án đăng ký trụ sở. Đồng thời điều chỉnh, thu hồi giấy phép thầu do Sở Xây dựng cấp.

Thông tư này hướng dẫn thủ tục hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu đối với tổ chức nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam gồm có: Đơn đề nghị cấp giấy phép thầu theo mẫu quy định tại Thông tư này; Bản sao có chứng thực văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang

quốc tịch cấp; Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu và báo cáo kết quả kiểm toán hàng năm của 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam); Hợp đồng hoặc thỏa thuận liên danh với nhà thầu Việt Nam đối với trường hợp đã ký hợp đồng liên danh khi dự thầu hoặc chào thầu. Hợp đồng với thầu phụ Việt Nam đối với trường hợp đã xác định được danh sách thầu phụ Việt Nam khi dự thầu hoặc chào thầu; Giấy uỷ quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

Đối với cá nhân là người nước ngoài muốn đề nghị cấp giấy phép thầu thì hồ sơ đề nghị cần có: Đơn đề nghị cấp giấy phép thầu theo mẫu quy định tại Thông tư này; Bản sao có chứng thực văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp; Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề tư vấn do nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân; Lý lịch nghề nghiệp cá nhân (tự khai) kèm theo bản sao hợp đồng về các công việc có liên quan đã thực hiện trong 3 năm gần nhất.

Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép thầu có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định thì phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

theo quy định. Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan cấp phép thầu xem xét và cấp giấy phép thầu cho nhà thầu.

Nhà thầu không được xem xét cấp giấy phép thầu khi: Không sử dụng thầu phụ Việt Nam theo hồ sơ đã được cấp giấy phép thầu trước đó; Không thực hiện chế độ báo cáo từ 3 kỳ trở lên theo quy định tại Thông tư này đối với các công việc nhận thầu theo giấy phép thầu đã được cấp trước đó; Vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về sử dụng lao động, an toàn lao động, nộp thuế, chất lượng công trình,... và đã bị xử phạt do vi phạm các quy định này từ 2 lần trở lên.

Nhà thầu bị đình chỉ công việc đang thực hiện khi: Không sử dụng thầu phụ Việt Nam theo hợp đồng đã ký kết có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu và chỉ được tiếp tục thực hiện khi đã sử dụng thầu phụ Việt Nam như hợp đồng đã ký kết; Không thực hiện các quy định của pháp luật liên quan.

Nhà thầu bị thu hồi giấy phép thầu khi: Không khắc phục các vi phạm sau khi đã có văn bản yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan từ 2 lần trở lên; Đã bị xử phạt vi phạm hành chính đối với công việc thuộc giấy phép thầu được cấp từ lần thứ 3 trở lên.

Thông tư này thay thế cho Thông tư số 05/2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng và có hiệu lực kể từ ngày 26/6/2012.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng**

Ngày 08/05/2012 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô

nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt

động phát sinh chất thải trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi chung là cơ sở) và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các hoạt động xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Theo Thông tư này quy định việc xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải được tiến hành khách quan, công bằng, đúng pháp luật và các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; mức độ vi phạm của các hành vi gây ô nhiễm môi trường, bao gồm: Hành vi xả nước thải, khí thải, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; Hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; Hành vi chôn lấp, thải vào đất, môi trường nước các chất gây ô nhiễm ở thể rắn, bùn làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Các thông số môi trường về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung được quy định phải quan trắc, giám sát định kỳ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận; Đối với các cơ sở không có các thông số môi trường quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào tính chất và loại hình hoạt động của cơ sở hoặc từng bộ phận của cơ sở, quyết định thông số môi trường đặc trưng về nước thải, khí thải của cơ sở theo quy định tại Thông tư này.

Quy định về tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về nước thải là cơ sở vi phạm một trong các tiêu chí: Có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 2 lần đến dưới 5 lần và thuộc một trong các trường hợp: Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên trong

trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 500 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

Trường hợp cơ sở gây ô nhiễm có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 5 lần đến dưới 10 lần thì tiêu chuẩn xác định như sau: Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 500 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

Trường hợp cơ sở gây ô nhiễm có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 10 lần đến dưới 50 lần thì tiêu chuẩn xác định như sau: Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại trở lên hoặc thải lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có

từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 10 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 50 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

Trường hợp cơ sở gây ô nhiễm có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 50 lần trở lên thì tiêu chuẩn xác định như sau: Có 1 đến 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 10 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 50 m<sup>3</sup>/ngày trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại; Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải.

Thông tư này cũng quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về chất thải rắn là cơ sở có hành vi chôn lấp, thải vào đất, môi trường nước các chất gây ô nhiễm

ở thể rắn, bùn, làm ít nhất 01 thông số môi trường của khu vực tiếp nhận chất thải rắn (môi trường đất, nước, không khí) về hóa chất, kim loại nặng vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 03 lần trở lên hoặc làm ít nhất 01 (một) thông số môi trường khác của khu vực tiếp nhận chất thải rắn vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 05 lần trở lên. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào tính chất, thành phần của chất gây ô nhiễm ở thể rắn, bùn để xác định thông số môi trường của khu vực tiếp nhận chất thải nhằm xác định, phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2012. Các quy định tại Mục I, II Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

(Xem toàn văn tại: [www.nea.gov.vn](http://www.nea.gov.vn))

## **Thông tư số 83/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường**

Ngày 23/5/2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 83/2012/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

Theo quy định tại Thông tư này, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp nhỏ và vừa) đang thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện

chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty; Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội có sử dụng nhiều lao động thì được gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế GTGT của tháng 4, 5, 6 năm 2012 (không bao gồm thuế GTGT ở khâu nhập khẩu).

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày

30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổng nguồn vốn được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán lập ngày 31/12/2011 của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới từ ngày 01/01/2012 thì số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu. Đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề thì việc xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa để xác định tiêu chí vốn hoặc lao động theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP được căn cứ vào ngành nghề kinh doanh chính ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông tư này cũng quy định rõ, không áp dụng gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế GTGT đối với các đối tượng sau đây: Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trong năm 2012 các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đang được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà đơn giá thuê đất được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03/12/2010 của Chính phủ thì sẽ được giảm 50% tiền thuê đất phải

nộp. Cơ chế giảm được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản); Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nhiều lao động được thực hiện gia hạn nộp thuế theo Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hộ đánh bắt hải sản được miễn thuế môn bài trong năm 2012, Ngân sách Nhà nước sẽ hoàn trả số thuế đã nộp trong trường hợp hộ đánh bắt hải sản thuộc diện được miễn thuế nhưng đã nộp thuế. Đối tượng áp dụng gia hạn nộp tiền sử dụng đất là các tổ chức kinh tế, các chủ đầu tư dự án có nghĩa vụ phải nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo của cơ quan thuế hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền nhưng đến ngày 10/5/2012 chưa nộp hoặc chưa nộp đủ thì thời gian gia hạn nộp tiền sử dụng đất tối đa 12 tháng theo quyết định của UBND cấp tỉnh và được tính từ ngày 10/5/2012.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 1257/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

Ngày 8/5/2012 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND về việc

duyet Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn

đến năm 2025. Mục tiêu của Quy hoạch nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tiềm năng về tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phương án phân bố phát triển sản xuất các chủng loại VLXD có khả năng phát triển trên địa bàn tỉnh. Phát huy các cơ sở sản xuất hiện có, đầu tư xây dựng mới công nghệ hiện đại để tạo ra nhiều sản phẩm VLXD đáp ứng nhu cầu tại chỗ như xi măng, vật liệu xây, vật liệu lợp, đá xây dựng, cát xây dựng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn... và có thể xuất một số VLXD có lợi thế cạnh tranh ra tỉnh bạn và xuất khẩu.

Theo Quy hoạch, tỉnh Đồng Nai tập trung phát triển VLXD để trở thành tỉnh có ngành công nghiệp tương đối hoàn chỉnh, có tỷ trọng kinh tế cao và có trình độ công nghiệp, kỹ thuật tiên tiến; góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng, giải quyết việc làm thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân trong vùng. Giá trị tổng sản lượng sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18-19% giai đoạn từ năm 2010 đến 2015 và tăng từ 15-16% đến năm 2020.

Quan điểm phát triển VLXD là phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg, đồng thời cũng phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg.

Theo Quy hoạch, trước mắt sẽ tập trung đầu tư phát triển các loại VLXD mà tỉnh có nhu cầu lớn và triển vọng khoáng sản sẵn có nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ và một phần cho bên ngoài như vật liệu lợp, đá xây dựng, cát xây dựng, vật liệu ốp lát, bê tông thương phẩm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn... Các chủng loại VLXD khác mà địa phương chưa có điều kiện đầu tư như kính xây dựng, các phụ kiện và đồ trang trí nội thất cao cấp... có thể nhập bên ngoài.

Phát triển VLXD tỉnh Đồng Nai đặt trong mối quan hệ vùng, của các tỉnh lân cận và cả nước. Thường xuyên giao lưu sản phẩm, công nghệ với các địa phương; tăng cường giao lưu và hội nhập quốc tế để tạo ra các sản phẩm có mẫu mã đa dạng và chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng; Phát triển VLXD với quy mô hợp lý nhằm đảm bảo tính hiệu quả kinh tế, tận dụng các cơ sở sản xuất hiện có, hạn chế và xóa bỏ các cơ sở sản xuất thủ công với công nghệ lạc hậu và năng suất lao động thấp gây ô nhiễm môi trường; Có phương án cụ thể triển khai Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020. Xác định tiến trình cụ thể tăng tỷ trọng gạch không nung trên tổng sản phẩm vật liệu xây. Phát triển VLXD tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo môi trường bền vững.

Định hướng đối với các cơ sở sản xuất gạch nung thủ công từng bước xóa bỏ hoặc chuyển đổi sang công nghệ sản xuất mới tiên tiến, ít ô nhiễm môi trường (lò Tuynen, lò Hoffman). Khuyến khích đầu tư sản xuất vật liệu không nung để hạn chế sử dụng đất sét, giảm tiêu hao nhiên liệu và ô nhiễm môi trường. Khuyến khích phát triển vật liệu xây mới: Gạch bê tông nhẹ (nhẹ, cách âm, cách nhiệt, chống cháy...) phục vụ nhu cầu xây dựng theo hướng ngày càng hiện đại. Quy hoạch phát triển vật liệu xây là các loại gạch được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 2011 - 2015: Gạch nung đầu tư mới 484 triệu viên/năm, chỉ đầu tư sản xuất gạch Tuynen; Quy hoạch đầu tư khoảng 15 lò Tuynen và 15 lò Hoffman. Trong đó quy hoạch ưu tiên đầu tư các lò Hoffman đốt bằng chất thải nông nghiệp như trấu, vỏ hạt điều, vỏ hạt đậu phộng... hoặc các chất rác thải công nghiệp; Gạch xi măng - cốt liệu đầu tư mới: 244 triệu viên/năm; Gạch bê tông nhẹ đầu tư mới 80 triệu viên/năm; Quy hoạch đầu tư thêm 01 dây chuyền gạch bê tông nhẹ, tại khu công nghiệp Hồ Nai 3 (01 dây chuyền), khu công nghiệp

Nhơn Trạch (01 dây chuyền), khu công nghiệp Ông Kèo (01 dây chuyền); Gạch khác đầu tư mới 8 triệu viên/năm; Tăng cường công suất các cơ sở sản xuất đá chẻ, gạch silicat, gạch đá ong... đang hoạt động từ 10 triệu viên/năm (năm 2010) lên 15 triệu viên/năm (2015). Giai đoạn 2 từ năm 2016 - 2020: Gạch nung đầu tư mới: 59 triệu viên/năm, chỉ đầu tư sản xuất gạch Tuynen; Gạch xi măng - cốt liệu (gạch block, gạch tự chèn, gạch terrazzo) đầu tư mới: 252 triệu viên/năm; Gạch bê tông nhẹ đầu tư mới: 80 triệu viên/năm; Gạch khác (đá chẻ, gạch silicat, đá ong) đầu tư mới: 22 triệu viên/năm.

Định hướng đối với các cơ sở sản xuất đá xây dựng, theo Quy hoạch như sau: Đóng cửa các mỏ đá khu vực thuộc thành phố Biên Hoà để thực hiện cải tạo và phục hồi môi trường. Duy trì sản xuất và đầu tư chiều sâu đảm bảo công suất thiết kế khai thác chế biến đá quy mô công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất đã được cấp phép thăm dò - khai thác. Tổng cộng công suất hàng năm từ năm 2010 - 2015 là 25,5 triệu m<sup>3</sup>/năm, từ năm 2015 - 2020 là 38 triệu m<sup>3</sup>/năm. Các cơ sở sản xuất đá chú ý đảm bảo hoạt động khai thác chế biến đá xây dựng trên địa bàn ngày càng giảm thiểu tác động môi trường. Xây dựng thí điểm và hướng tới áp dụng đại trà tiêu chuẩn môi trường xanh - sạch - đẹp tại phần lớn các mỏ đá quy mô khai thác công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Cũng theo nội dung quy hoạch, VLXD đá ốp lát định hướng phát triển theo giai đoạn 2010 - 2015 đầu tư mới 02 cơ sở sản xuất đá ốp lát công suất 45.000m<sup>2</sup>/năm; Giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư mới 02 cơ sở sản xuất đá ốp lát công suất 45.000m<sup>2</sup>/năm. Các cơ sở mới đặt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp mục tiêu đầu tư; Đối với cát xây dựng thì định hướng Nhập thêm lượng cát từ ngoài tỉnh (miền Tây Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận), từ 2011 - 2015 cần 15 triệu m<sup>3</sup>, 2016 - 2020 cần 25 triệu m<sup>3</sup>. Khảo sát thăm dò khai thác trên cơ sở nguồn cát đã được triển khai

khảo sát điều tra cơ bản, tìm nguồn cát bổ sung: Cát ven sông, cát đồi... và đầu tư dây chuyền sản xuất cát nhân tạo xay từ đá bằng máy nghiền, Đối với việc sản xuất vật liệu gạch ốp lát thì các cơ sở sản xuất tập trung đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm. Sau năm 2015 sẽ đầu tư mở rộng khi thị trường phục hồi và có nhu cầu tăng, đồng thời đầu tư đổi mới hệ thống đốt lò bằng khí gas hóa lỏng để tiết kiệm nhiên liệu; Quy hoạch đến năm 2015 chưa đầu tư mới các cơ sở sản xuất sứ vệ sinh; sau năm 2015 có thể phát triển đầu tư thêm cơ sở mới tại các KCN Nhơn Trạch, KCN Gò Dầu (gần nguồn cung cấp khí đốt tự nhiên).

Định hướng phát triển sản xuất bê tông toàn tỉnh như sau: Duy trì các cơ sở bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn hiện có; tăng cường đầu tư chiều sâu để tăng sản lượng bê tông li tâm, bê tông dự ứng lực; tăng cường đầu tư để cơ giới hoá tất cả các công đoạn sản xuất bê tông đúc sẵn; Đầu tư mới năng lực sản xuất bê tông thương phẩm: 120.000 m<sup>3</sup>/năm (đến năm 2015) và 240.000 m<sup>3</sup>/năm (đến năm 2020). Các trạm bê tông thương phẩm đầu tư mới có công suất trung bình 30.000 m<sup>3</sup>/năm; Đầu tư mới năng lực sản xuất bê tông đúc sẵn: 600.000 m<sup>3</sup>/năm (đến năm 2015); 1.000.000 m<sup>3</sup>/năm (đến năm 2020); Các cơ sở mới đặt tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp với mục tiêu đầu tư.

Nhu cầu xi măng đến năm 2015 ước tính là khoảng 3,2 triệu tấn, còn đến năm 2020 ước tính là khoảng 4,2 triệu tấn, nên quy hoạch phát triển toàn tỉnh là đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 1.000.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Ông Kèo (huyện Nhơn Trạch), giai đoạn 2015. Mở rộng trạm nghiền xi măng tại Khu công nghiệp Ông Kèo (huyện Nhơn Trạch) từ 1.000.000 tấn/năm lên 2.000.000 tấn/năm, giai đoạn 2020.

Bên cạnh đó đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh cũng cần đầu tư một số điểm mỏ có trữ lượng lớn, lựa chọn một số cơ sở khai thác có năng

lực để tổ chức khai thác một cách bài bản, có quy mô vừa phải, đảm bảo tránh tác động xấu đến môi trường, nhất là trong công tác vận chuyển, đảm bảo cung cấp đủ vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng lớn trong tỉnh. Quy hoạch phát triển thêm các điểm khai thác mỏ nhỏ lẻ, cung cấp vật liệu san lấp cho các công trình nhỏ và phục vụ nhu cầu tại chỗ của

địa phương. Tất cả các mỏ khai thác vật liệu san lấp phải được thiết kế khai thác, quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết đầy đủ; các mỏ phải có phương án kỹ quỹ phục hồi môi trường; thời gian hoạt động của mỏ không được kéo dài.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại: [www.dongnai.gov.vn](http://www.dongnai.gov.vn))**



## **Nghiệm thu đề tài: Dự thảo Tiêu chuẩn “Màng địa kỹ thuật HDPE - Yêu cầu kỹ thuật & Màng địa kỹ thuật HDPE - Phương pháp thử”**

Ngày 18/5/2012 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài biên soạn Dự thảo Tiêu chuẩn “Màng địa kỹ thuật HDPE - Yêu cầu kỹ thuật & Màng địa kỹ thuật HDPE - Phương pháp thử” mã số TC 06-11 do Viện VLXD, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Phạm Văn Thắng - Chủ nhiệm đề tài, màng địa kỹ thuật HDPE là loại vật liệu chống thấm khá phổ biến hiện nay, được tạo ra bằng phương pháp thổi màng. Màng HDPE được làm từ hạt nhựa HDPE nguyên chất, kết hợp với các hợp chất khác như chất chống lão hóa, hợp chất chống tia UV nhằm giảm tác động của thời tiết khí hậu; do vậy khả năng chịu tác động của các điều kiện môi trường của màng HDPE rất tốt, đồng thời cũng rất bền hóa chất và với vi sinh. Do các đặc tính cơ lý nổi bật nêu trên, màng HDPE được sử dụng rộng rãi để chống thấm cho các công trình xây dựng và giao thông, các công trình thủy lợi có tuổi thọ trên 50 năm, làm lớp lót đáy bãi chôn lấp rác, lớp phủ đóng bãi chôn lấp rác để chống ô nhiễm môi trường, làm lớp lót đáy hồ nuôi thủy sản, lót đáy hồ chứa nước công nghiệp, lót đáy để chống thấm cho đê - đập - kênh mương, lót đáy chống thấm khi xây dựng các nhà máy hóa chất hay nhiệt điện, bồn bể chứa xăng dầu... Tại Việt Nam, tuy loại vật liệu mới này mới chỉ được sử dụng trong vài năm gần đây, song tiềm năng ứng dụng là rất cao. Mặt khác, trên thị trường đã xuất hiện rất nhiều loại sản phẩm màng HDPE sản xuất trong và ngoài nước với các chỉ tiêu, chất lượng khác nhau, vì vậy, để kiểm soát chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển thì yêu



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng*

cầu nghiên cứu xây dựng một tiêu chuẩn TCVN thống nhất quy định quy cách của màng địa kỹ thuật HDPE là vô cùng cấp bách.

Với mục tiêu đề ra các chỉ tiêu phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cho màng địa kỹ thuật HDPE, xây dựng các phương pháp thử để xác định các chỉ tiêu kỹ thuật HDPE phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam và có khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, kết hợp với việc tham khảo nhiều tài liệu Tiêu chuẩn nước ngoài như GM13, ASTM D6693 - 2010, ASTM D5596 - 03 (2009), ASTM G154 - 06 (Mỹ)..., và nghiên cứu các sản phẩm trong và ngoài nước hiện đang có mặt trên thị trường xây dựng Việt Nam, nhóm đề tài đã xây dựng được bộ dự thảo tiêu chuẩn “Màng địa kỹ thuật HDPE - Yêu cầu kỹ thuật” bố cục 7 phần với các yêu cầu cụ thể về đo độ dày, khối lượng riêng, độ phân tán muối, độ bền với tia tử ngoại, độ bền xé, độ bền chọc thủng... và “Màng địa kỹ thuật HDPE - Phương pháp thử” bố cục 9 phần, với 11 phương pháp thử được xây dựng mới, và 3 phương pháp thử được viện dẫn theo TCVN, trong đó có phương pháp xác định độ dày của màng sản; xác định chiều cao sản; xác định các tính chất kéo; xác định thời gian cảm ứng ô xy

hóa bằng phương pháp đo nhiệt lượng quét vi sai (DSC); xác định độ lão hóa nhiệt; xác định độ kháng nứt ứng suất...

Sau khi nghe báo cáo của Chủ nhiệm đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thực tiễn của đề tài cũng như những cố gắng của nhóm tác giả trong việc thực hiện đề tài. Đề tài đáp ứng được nhu cầu rất cao của thực tế xây dựng tại Việt Nam trong những năm vừa qua; có thể coi đây là cơ sở và phương tiện đánh giá chất lượng sản phẩm, góp phần đồng bộ hóa hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam. Các thành viên Hội đồng cũng đóng góp ý kiến về một số thuật ngữ, định nghĩa, khái niệm trong dự thảo, về bố cục để dự thảo rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu đối với mọi

đối tượng. Một số nội dung cần lược bớt hoặc bổ sung thêm cho đúng với một văn bản quy phạm cũng được các thành viên đưa ra thảo luận cùng nhóm tác giả.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu ThS. Trần Đình Thái bày tỏ sự nhất trí với các ý kiến của thành viên Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo để trình Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học & Công nghệ công bố trong thời gian sớm nhất.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

## Hội thảo “Công nghệ xanh: Xử lý nước thải sinh hoạt theo mô-đun”

Ngày 16/5/2012, tại Hà Nội, Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Cơ học đất và địa kỹ thuật công trình Việt Nam và Công ty CP Tư vấn AA đã phối hợp tổ chức Hội thảo “Công nghệ xanh: Xử lý nước thải sinh hoạt theo mô-đun” với sự có mặt của đông đảo chuyên gia trong nước và nước ngoài cùng đại diện nhiều doanh nghiệp. GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các ông Phạm Sỹ Liêm, Phạm Thế Minh - Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam, ông Rudolf S. Hofmann - Giám đốc công ty Hofmann Projekt (Đức), bà Lê Thu Nga - Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn AA đã đến dự Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm cho biết, từ hơn 30 năm nay, kỹ thuật và công nghệ của thế giới và Việt Nam đã nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng nhiều công nghệ xanh để khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ đất, nước, khí. Các nhà khoa học kỹ thuật và kiến trúc sư ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi, môi trường, năng lượng đã nghiên cứu ứng dụng thành công ở Việt Nam nhiều công nghệ xanh. Công nghệ



GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm phát biểu tại Hội thảo

xanh được hiểu là công nghệ sử dụng tối thiểu, sử dụng lại các tài nguyên thiên nhiên và năng lượng tái tạo với những giải pháp kỹ thuật tối ưu. Trong những năm qua, ngành Xây dựng đã đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ xanh để xử lý đất yếu, sản xuất vật liệu, làm nhà ở, đường nông thôn, kênh thủy lợi và nhiều loại công trình hạ tầng tại các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, bờ biển và hải đảo. Nhiều đề tài khoa học và công nghệ xây dựng được áp dụng thành công trong hàng loạt các dự án, các chương trình xây dựng về nhà ở, xử lý nước,

quản lý đất, tạo nên môi trường sống xanh hơn.

GS. TS. Nguyễn Mạnh Kiểm đồng thời nhấn mạnh, trước thực trạng nước thải sinh hoạt chiếm 80% nước thải đô thị, trong đó chỉ có 6% lượng nước thải sinh hoạt được xử lý (theo JICA), hơn 80% các bệnh truyền nhiễm ở Việt Nam là do nguồn nước gây ra (theo thống kê của Bộ Y tế), 20.000 người tử vong do điều kiện nước và vệ sinh (theo WHO năm 2010)..., thì các kỹ sư và kiến trúc sư phải đi đầu trong phát triển và ứng dụng công nghệ xanh trong xử lý nước thải, đáp ứng nhu cầu chính đáng của người dân là được sống trong môi trường trong lành, khỏe mạnh, đồng thời giảm thiểu tác hại từ nước thải sinh hoạt trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng hiện nay của Việt Nam.

Tại Hội thảo, ông Rudolf S. Hofmann đã giới thiệu về công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt theo mô-đun của công ty Hofmann Projekt. Đó là công nghệ xử lý nước thải sinh học Hofman Klaro do các nhà khoa học Đức phát minh, đã được ứng dụng tại 25 quốc gia trên thế giới và có mặt ở Việt Nam từ năm 2008. Công nghệ này sử dụng các nguyên lý của tự nhiên, sinh học để xử lý nước thải với chất lượng cao và ở các quy mô khác nhau, không sử dụng hóa chất. không dùng thiết bị cơ học, bơm, mạng lọc ... để xử lý nước thải. Với chi phí xử lý thấp, tiết kiệm năng lượng và dễ dàng kiểm tra, kiểm soát, hệ thống này rất thích hợp cho các loại công trình nhà ở, khách sạn, nhà hàng, khu đô thị, khu du lịch, khu dân cư, trường học,...

Hiện nay, công nghệ xử lý nước thải sinh học Hofman Klaro chiếm 75% thị trường xử lý nước thải của Đức nhờ những ưu điểm nổi trội của công nghệ: khả năng làm sạch 98% nước thải trong vòng 6 tiếng đồng hồ, tiết kiệm 75% năng lượng so với các công nghệ khác, chi phí vận hành và bảo dưỡng rất thấp, ít tiếng ồn, không chứa hóa chất, bơm, cơ học và điện trong bể, rất linh hoạt nhờ thiết kế mô-đun, cho phép điều chỉnh/bổ sung chức năng để đáp ứng các yêu cầu mới trong tương lai, không cần thay toàn bộ hệ thống, chất lượng xử lý và độ bền tối



*ông Rudolf S. Hofmann giới thiệu về công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt Hofman Klaro*

đa, chi phí vận hành và đầu tư về lâu dài ở mức thấp nhất.

Hệ thống này sử dụng công nghệ phản ứng mẻ hoàn toàn sinh học, kích thích sự sinh trưởng của vi sinh vật phân hủy chất thải có sẵn, đưa dòng thải vào vòng tuần hoàn tự nhiên của vật chất (nước thải được xử lý theo chu trình sinh học tự nhiên, không bị thay đổi thành phần, tính chất), hiệu quả xử lý triệt để, hơn hẳn các phương pháp hóa lý, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện đại, không có phản ứng phụ với hệ thống và môi trường xung quanh.

Hệ thống gồm có hai ngăn, ngăn đầu chứa nước vào, chứa bùn lắng, giữ lại những phần cứng và ngăn thứ hai diễn ra chu trình phản ứng mẻ. Có 4 chu kỳ vận hành trong một ngày đêm, mỗi chu kỳ kéo dài 6 tiếng, bao gồm các bước: bơm nước, phản ứng dùng khí nén, lắng đọng và thải nước đã xử lý và chuyển bùn lắng về ngăn đầu. Với phương thức vận hành ưu việt, và công nghệ hoàn toàn sinh học, hệ thống cho kết quả vượt 90% so với tiêu chuẩn xử lý quy định tại Đức, theo chứng nhận ISO, DIN và ATV.

Kết thúc hội thảo là phần tổng kết những lợi ích hệ thống đem lại, như: bảo vệ môi trường dự án xây dựng và đảm bảo cuộc sống an toàn, trong lành; tiết kiệm chi phí về lâu dài; bảo tồn/tăng giá trị của bất động sản; giữ gìn/củng cố hình ảnh đối với khách hàng, công chúng và các cấp chính quyền.

**Thu Huyền**

## Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải thành phố Hải Phòng đến năm 2025

Sáng ngày 17/5/2012 tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025 do Công ty tư vấn Nhật Bản Nikken Sekkei và Viện Quy hoạch Hải Phòng lập.

Tham dự Hội nghị có ông Lê Văn Thành - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng và đại diện lãnh đạo các Sở ngành liên quan của thành phố Hải Phòng; đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa - Thể thao - Du lịch; Công thương; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành.

Báo cáo về Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, đại diện tư vấn Nikken Sekkei đã trình bày các căn cứ pháp lý của Đồ án, sự cần thiết cũng như nội dung tóm tắt của Đồ án, bao gồm: phạm vi và ranh giới lập quy hoạch; phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng; đánh giá tổng hợp các thuận lợi và khó khăn; mối quan hệ Vùng; dự báo phát triển đến năm 2025 về kinh tế - xã hội, dân số, lao động; đề xuất định hướng phát triển không gian ...

Theo đó, phạm vi lập quy hoạch Khu Kinh tế Đình Vũ -Cát Hải có quy mô diện tích 22.140ha, trong đó diện tích mặt nước khoảng 5.382 ha. Mục tiêu của quy hoạch nhằm xây dựng Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải trở thành khu kinh tế tổng hợp, vận hành theo cơ chế riêng biệt trên cơ sở phát triển các ngành kinh tế biển (trọng tâm là dịch vụ cảng), công nghiệp, dịch vụ tài chính ngân hàng, du lịch, thương mại có cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu kết luận Hội nghị*

trường, đảm bảo an ninh quốc phòng, làm động lực thúc đẩy và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và vùng duyên hải Bắc Bộ. Động lực phát triển chủ yếu của Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải là cảng Lạch Huyện có thể tiếp nhận tàu biển có tải trọng lớn, các khu công nghiệp Bến Rừng, Bắc Sông Cấm, Nam Tràng Cát, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Cát Hải. Theo Đồ án quy hoạch xây dựng, Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải sẽ bao gồm các khu: cảng Lạch Huyện, các khu công nghiệp - chế xuất, khu dân cư, các trung tâm thương mại - dịch vụ, các trung tâm chuyên ngành: du lịch, thể thao, y tế, giáo dục - đào tạo.

Đánh giá về Đồ án, các báo cáo phản biện của Cục Phát triển đô thị và Vụ Kiến trúc -Quy hoạch Bộ Xây dựng đều thống nhất: Đồ án đã được các đơn vị tư vấn nghiên cứu nghiêm túc, công phu, phù hợp với các quy định hiện hành và bám sát nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt. Các đánh giá và đề xuất của tư vấn trong Đồ án là hợp lý, tuy nhiên có một số chỉ tiêu và số liệu cần phân tích kỹ hơn để làm nổi bật hơn vai trò động lực và khả năng cạnh tranh của Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, làm rõ hơn liên kết giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông

nội bộ, lưu lượng và lưu vực thoát nước, khối lượng đào đắp nạo vét luồng lạch, các phương án đối phó với biến đổi khí hậu theo các kịch bản nước biển dâng...

Tại Hội nghị thẩm định, đại diện các Bộ, ngành liên quan cho biết, các Bộ đã có văn bản đóng góp ý kiến cho Đồ án và đã được đơn vị tư vấn lập Đồ án tiếp thu và có những giải trình. Tuy vậy, phát biểu tại Hội nghị, đại diện các Bộ cũng đóng góp một số ý kiến đề nghị tư vấn nghiên cứu thêm về tính toán phụ tải điện, quy hoạch đất cho khu tồn chứa và phân phối hóa chất; các phương án huy động vốn đầu tư và điều chỉnh phân kỳ đầu tư cho phù hợp với thực tiễn, vấn đề bảo vệ môi trường ...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao những cố gắng của Nikken Sekkei trong Đồ án này, đồng thời đề nghị UBND thành phố Hải Phòng chỉ đạo đơn vị

tư vấn tiếp thu các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình duyệt theo đúng quy định hiện hành, bổ sung các đánh giá chi tiết hơn về khả năng cạnh tranh của Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải để tính toán quy mô đầu tư cho phù hợp; phân tích sâu hơn về mối liên hệ Vùng và ảnh hưởng của khu kinh tế này đối với sự phát triển của Hải Phòng; chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác; vấn đề tái định cư, phát triển nhà ở xã hội cho công nhân thuê; điều chỉnh vốn đầu tư cho phù hợp đồng thời phân tích các khả năng huy động vốn ngoài ngân sách cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình công cộng, dịch vụ...

Minh Tuấn

## Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030

Ngày 23/05/2012, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã chủ trì Hội nghị.

Đến dự Hội nghị có đại diện của Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Tài chính, Quốc phòng, Công thương, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; Đại diện UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có ông Phan Ngọc Thọ - Phó Chủ tịch tỉnh, lãnh đạo Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt.

Theo báo cáo của tư vấn lập Đồ án - Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng), phát triển kinh tế cửa khẩu và khu



Toàn cảnh Hội nghị

kinh tế cửa khẩu là chính sách lớn của Đảng và nhà nước nhằm tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy mối quan hệ chính trị hữu nghị ổn định, bền vững với các nước láng giềng. Thực hiện chủ trương đó, đến năm 2020 nước ta sẽ xây dựng khoảng 30 khu kinh tế cửa khẩu với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt là một

trong những khu kinh tế trọng tâm trong mối liên kết giữa tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam nói chung với khu vực Nam Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan.

Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt đến năm 2030 đã được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, số liệu thu thập, kết hợp với khảo sát hiện trạng và đánh giá chi tiết những yếu tố liên quan. Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt được thành lập trên cơ sở “Quyết định số 1020/QĐ-TTg ngày 01/08/2006 về việc nâng cấp cửa khẩu A Đốt thành cửa khẩu chính” và “Quyết định 64/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 về việc Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Cửa khẩu A Đốt”. Khu kinh tế Cửa khẩu gồm một phần diện tích tự nhiên của huyện A Lưới, tiếp giáp cửa khẩu A Đốt phía nước bạn Lào là cửa khẩu Tà Vàng của tỉnh Sê Kông, một tỉnh có vị trí quan trọng trên tuyến lưu thông hàng hóa theo hàng lang Đông – Tây. Tổng diện tích đất trong khu vực nghiên cứu quy hoạch là 10.184 ha. Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu A Đốt đến năm 2030 đã được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, số liệu thu thập, kết hợp với khảo sát hiện trạng và đánh giá chi tiết những yếu tố liên quan.

Mục tiêu của quy hoạch là: Phát triển khu kinh tế thành đầu mối giao lưu kinh tế và hợp tác quốc tế quan trọng, tạo sự lan tỏa cho các vùng xung quanh, thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng miền trong tỉnh và cả nước; Xây dựng một khu kinh tế có các khu chức năng và hạ tầng đô thị đồng bộ, khai thác tối đa các lợi thế về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên để phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ; Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bố trí dân cư, hạ tầng xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển bền vững và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biên giới; Làm cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch chi tiết các khu chức năng, thu hút đầu tư, chuẩn bị đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Đồ án đề xuất phương án tổ chức không

gian khu kinh tế theo ý tưởng: Hình thành các khu chức năng rõ ràng gồm thương mại cửa khẩu, dịch vụ - hành chính, du lịch, công nghiệp; Phát triển các trọng tâm gồm khu cửa khẩu, khu đô thị A Đốt, khu du lịch A Roàng; Phân bổ cơ sở kinh doanh thành cụm, điểm theo cơ cấu chặt chẽ với khu trung tâm; Xây dựng khu thương mại công nghiệp (phi thuế quan) quy mô vừa phải; Xây dựng trục giao thông và tạo trục không gian chính kết nối các khu chức năng thành phần của khu kinh tế; Kết nối các phân khu bằng trục chính trung tâm xây dựng mới, tránh các luồng quá cảnh của đường Hồ Chí Minh. Ưu điểm của phương án này là cấu trúc và phân khu chức năng rõ ràng, linh hoạt, phát triển bền vững, dự phòng phát triển tốt, khả năng thu hút vốn ưu đãi tốt, đáp ứng được mục tiêu hình thành phát triển đô thị toàn tỉnh. Tuy nhiên phương án này đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn và tập trung.

Đồ án quy hoạch đã xác lập vị thế, vai trò của khu kinh tế trong quan hệ liên vùng Quốc gia, vùng Tỉnh, vùng Huyện và yêu cầu phân công chức năng với đô thị A Lưới, đồng thời đề xuất quy mô, ranh giới, tính chất của các khu vực xây dựng có khả năng hiện thực hóa cao, hiệu quả nhằm xúc tiến quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; tổ chức hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đặc trưng địa hình, dân cư, kích bản phát triển kinh tế. Quy hoạch cũng xây dựng khung thiết kế đô thị cho khu kinh tế làm cơ sở quản lý quy hoạch và xây dựng; đề xuất lộ trình thực hiện với các dự án trọng tâm, trọng điểm cả trong và ngoài khu kinh tế nhằm định hướng đầu tư và lập kế hoạch xây dựng.

Các báo cáo phản biện đều nhất trí đánh giá: Đồ án được nghiên cứu và chuẩn bị rất công phu, số liệu cập nhật đầy đủ, chính xác sau khi đã tham khảo ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan thể hiện nỗ lực lớn của nhóm thực hiện đồ án. Đồ án được lập bám sát văn bản pháp lý liên quan, triển khai đúng theo các

quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các thực trạng nghiên cứu và đề xuất quy hoạch, giải pháp đều rõ ràng. Tuy nhiên, trong nội dung đồ án cũng cần làm rõ mối quan hệ và liên kết giữ khu kinh tế cửa khẩu A Đốt với khu kinh tế Chân Mây sao cho hợp lý về giao thông. Bổ sung làm rõ hệ thống cấp thoát nước trong khu kinh tế, đặc biệt là hệ thống thoát nước tự nhiên sông, hồ. Việc đánh giá quỹ đất xây dựng cần lưu ý xem xét về nhu cầu sử dụng đất và tiêu chí sử dụng đất của từng khu vực chức năng. Nhóm thực hiện đồ án cũng cần phân tích rõ hơn mối quan hệ vùng với nước bạn Lào và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao chất lượng của đồ án về quy mô cũng như khối lượng thông tin, thể hiện sự công phu và tinh thần làm việc nghiêm túc của các bên. Thứ trưởng cũng yêu cầu nhóm thực hiện Đồ án tiếp thu ý kiến đóng

góp của các phản biện và ý kiến của đại diện các Bộ, ngành để sớm hoàn thiện đồ án để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thay mặt UBND tỉnh UBND tỉnh Thừa thiên Huế, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Ngọc Thọ đã phát biểu cảm ơn Bộ Xây dựng và các Bộ, ban ngành có liên quan đã giúp tỉnh trong việc lập Đồ án Quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt, đồng thời khẳng định, UBND tỉnh sẽ tiếp thu các ý kiến chỉ đạo cũng như đóng góp của Hội đồng thẩm định, phối hợp chặt chẽ hơn nữa với đơn vị tư vấn để nhanh chóng hoàn thiện Đồ án, với hi vọng sau khi được phê duyệt quy hoạch, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt sẽ sớm trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của vùng biên giới phía Tây tỉnh Thừa Thiên Huế, là một trong những điểm sáng về quan hệ kinh tế, đối ngoại quốc tế Việt – Lào.

Quỳnh Anh

## Kiểm soát chất lượng của lớp chống thấm mái SBS

Cùng với sự nâng cao không ngừng trong yêu cầu của ngành Xây dựng hiện đại đối với vật liệu cuộn chống thấm, vật liệu cuộn chống thấm SBS (Styrene-Butadiene-Styrene) với tính năng tốt của mình ngày càng được ứng dụng rộng rãi tại các công trình. Vật liệu SBS dù về mặt tính năng hay hiệu quả chống thấm thì đều có những ưu thế tương đối lớn, khá phổ biến là vật liệu cuộn chống thấm bằng nhựa đường.

### 1. Đặc điểm của vật liệu SBS

Vật liệu chống thấm SBS chủ yếu có lõi là vải sợi không dệt polyester, lớp phủ bằng dầu cao su và nhựa đường, lớp chống thấm bằng polyethylene, đem những vật liệu này kết dính lại với nhau, dùng nhiệt độ cao để ép tạo hình để hình thành nên loại vật liệu có hiệu quả chống thấm cao, tính đàn hồi tốt và có cường độ cao. Vật liệu chống thấm SBS có khả năng thích ứng nhiệt độ khá tốt, dưới trạng thái nhiệt độ thấp vẫn mang tính mềm dẻo, còn trong trạng thái nhiệt độ cao lại không bị chảy, phạm

vi nhiệt độ có thể thích ứng của nó nằm trong khoảng từ - 25°C đến 100°C. Tuổi thọ sử dụng của SBS khá lâu, thao tác thi công đơn giản, ô nhiễm ít, vì vậy, phạm vi ứng dụng khá rộng, nó có hiệu quả chống thấm rõ rệt đối với các công trình có kết cấu thường xuyên biến dạng hoặc chấn động tương đối lớn.

### 2. Kiểm soát chất lượng của vật liệu chống thấm mái SBS

#### 2.1. Kiểm soát chất lượng trong giai đoạn chuẩn bị thi công

Trong giai đoạn chuẩn bị thi công, người quản lý thi công cần đưa ra những tiêu chuẩn chất lượng và phương án thi công chi tiết để bảo đảm cho việc thi công được tiến hành một cách bình thường. Về phương diện vật liệu, cần căn cứ theo yêu cầu thiết kế để lựa chọn các loại vật liệu cần thiết. Vật liệu được chọn cần có chứng minh chất lượng đạt chuẩn và số lô sản xuất. Người mua sắm vật liệu trên cơ sở đảm bảo chất lượng cần lựa chọn vật liệu có giá cả

hợp lý. Trước khi thi công cần chuẩn bị đầy đủ các thiết bị thi công, các thiết bị và công cụ được lựa chọn sử dụng phải phù hợp với công nghệ thi công để đảm bảo trong quá trình thi công không xảy ra sự cố.

## **2.2. Kiểm soát chất lượng khi tạo phẳng cho bề mặt kết cấu**

Trước khi trải lớp chống thấm, cần tiến hành làm phẳng bề mặt kết cấu để tránh xảy ra các vấn đề như phình, lõm... Vì vậy, làm phẳng bề mặt lớp kết cấu là phần quan trọng trong thi công chống thấm, là cơ sở của lớp chống thấm. Yêu cầu của bề mặt kết cấu chống thấm là bằng phẳng, vững chắc, không tồn tại hiện tượng như góc nhọn, bong tróc bề mặt hoặc có hố lõm. Các khe rỗng trên bề mặt kết cấu nên được trám phẳng, có thể sử dụng thước thẳng 2m để tiến hành kiểm tra độ phẳng của bề mặt, khi các khe hở giữa bề mặt kết cấu và thước lớn hơn 5mm, chứng tỏ bề mặt đó không đạt yêu cầu, cần tiến hành sửa chữa. Khi bề mặt kết cấu có góc chuyển, có thể làm thành góc tù hoặc hình vòng cung. Khi sử dụng vữa xi măng cát để tiến hành tạo phẳng, độ dày lớp vữa thường là 20mm, cường độ xi măng cần phù hợp với yêu cầu. Lớp tạo phẳng nên bố trí khe phân cách, trong đó có sử dụng vật liệu kín khít để tránh cho lớp bê tông phát sinh khe nứt làm ảnh hưởng đến chất lượng của lớp chống thấm. Độ rộng của khe phân cách có thể là 20mm, khoảng cách giữa các khe nên nhỏ hơn 6m, các khe phân cách có thể được bố trí tại các vị trí như góc chuyển trên mái, chỗ tiếp giao của kết cấu mái đặc biệt... Trước khi thi công tạo phẳng cần tiến hành làm sạch mái, sau đó tưới nước tạo ẩm. Khi tạo phẳng cần bắt đầu từ xa về gần, từ cao xuống thấp, hoàn thành từng ô một. Độ dốc của lớp tạo phẳng nên làm theo yêu cầu thiết kế, có thể sử dụng cán làm phẳng trên 2m để cán phẳng, đợi khi bề mặt vữa gần khô, có thể sử dụng bàn xoa để tiến hành xoa phẳng, sau khi hoàn thành thi công tạo phẳng xong nhất thiết phải tiến hành bảo dưỡng.

## **2.3. Kiểm soát chất lượng khi thi công dán phủ lớp chống thấm**

Thi công dán phủ lớp chống thấm SBS cần chọn ngày có khí hậu khô ráo để tiến hành, trước khi dán cần làm sạch lớp kết cấu để bề mặt lớp kết cấu không tồn tại các bụi bẩn và tạp chất khác, khi bề mặt lớp kết cấu và chỗ tiếp xúc đã đạt yêu cầu, có thể tiến hành thi công dán lớp chống thấm.

### **2.3.1. Sử dụng keo dán**

Trước khi dán lớp chống thấm, cần quét lớp keo dán, thông thường hay sử dụng chất kết dính nhựa đường và keo lót. Keo dán chọn sử dụng nên phù hợp với vật liệu chống thấm, điều này giúp cho vật liệu chống thấm tránh bị ăn mòn hoặc xuất hiện hiện tượng phân lớp. Khi tiến hành quét chất kết dính nhựa đường, trước hết cần sử dụng chổi quét để xử lý cẩn thận tại các điểm tiếp xúc trên mái, vị trí xung quanh hay các góc ngoặt..., sau đó tiếp tục quét trên diện tích lớn. Lượng quét chất kết dính phải đồng đều, vừa phải, tránh chỗ nhiều chỗ ít. Sau khi quét xong lớp kết dính, đợi lớp này khô rồi tiến hành các khâu tiếp theo.

### **2.3.2. Phương hướng và tuần tự dán phủ vật liệu cuộn**

Khi tiến hành dán phủ vật liệu cuộn SBS, cần căn cứ tình hình thực tế của mái, có thể sử dụng hai phương thức là song song hoặc vuông góc. Khi sử dụng phương thức dán phủ song song, có thể bắt đầu từ đầu mái hiên, tiến hành từ dưới lên trên, như vậy có thể dự phòng có hiệu quả sự thấm nước vuông góc, tổn thất vật liệu dán cũng ít, tuy nhiên, phương pháp này chỉ thích hợp với mái có độ dốc dưới 3%; Khi dán phủ vuông góc, có thể tiến hành theo phương hướng từ sống mái nhà sang đầu mái hiên. Trình tự dán phủ nên từ thấp đến cao, từ gần ra xa, từ cục bộ đến chỉnh thể. Khi ghép nối hai miếng vật liệu cuộn gần kề nên tiến hành theo hướng nước chảy để vị trí cao hơn có thể che phủ lên vị trí thấp, độ rộng ghép nối cần phù hợp với yêu cầu.



### 2.3.3. Kiểm soát chất lượng thi công dán phủ vật liệu cuộn

Trước khi dán phủ vật liệu chống thấm SBS cần vẽ sẵn đường kiểm soát để bảo đảm chất lượng thi công. Khi dán, cần dán vật liệu đúng theo đường vẽ kiểm soát, đồng thời tiến hành gia nhiệt với lớp chống thấm SBS, mức độ gia nhiệt phải đồng đều. Khi dán lên kết cấu, cần nắm vững độ mềm và thời điểm kết dính tốt nhất của vật liệu chống thấm SBS. Đối với vật liệu đã dán xong, sử dụng tấm phẳng để đập lên tấm dán giúp đẩy không khí thoát ra, sau khi một cuộn vật liệu đã dán xong, lập tức dùng con lăn để lăn ép từ giữa sang hai bên giúp đẩy hoàn toàn không khí ra ngoài để tránh xuất hiện hiện tượng phình lên tại tấm dán. Khi dán cần chú ý thao tác vật liệu cuộn chống thấm SBS tại các đầu nối và góc tiếp giáp, lớp chống thấm SBS sau khi dán hoàn tất phải không xuất hiện hiện tượng nhăn, xoắn.

### 2.3.4. Kiểm soát chất lượng tại các vị trí tiếp xúc và vị trí đặc biệt

Vị trí tiếp xúc và vị trí đặc biệt của mái là những vị trí có khâu thi công chống thấm có chất lượng yếu kém, khi xử lý cần tiến hành cẩn thận để tránh xuất hiện hiện tượng thấm nước sau khi thi công. Tại vị trí xung quanh lỗ thoát nước, có thể tiến hành quét chống thấm trong phạm vi đường kính 500mm xung quanh lỗ, độ dày cần lớn hơn 2mm, khi dán vật liệu cuộn tới vị trí của lỗ thoát nước, có thể sử dụng kéo để cắt tạo lỗ tròn có đường kính tương đồng với lỗ thoát nước, sau đó dán chặt tại vị trí quanh miệng lỗ; Đối với vị trí rãnh nước mái và rãnh

mái hiên, có thể tiến hành dán vật liệu từ đáy rãnh lên trên, nếu đáy rãnh có độ rộng khá lớn, khe ghép nối hướng dọc nên để ở hai bên rãnh, dán từ đáy rãnh ra ngoài, sau khi cố định xong vị trí góc tiếp giáp dùng keo dán bịt chặt; Vị trí giữa kết cấu mái và tường mái dễ xuất hiện hiện tượng thấm nước, tại đây dán một lớp đệm chống thấm rồi dán thêm một lớp dán phụ gia, sau khi lớp chống thấm mái đã hoàn thành, liên kết hai lớp vật liệu cuộn chống thấm của kết cấu mái và tường lại với nhau dùng keo dán bịt chặt; Do đường ống mái thò ra rất khó xử lý, tại vị trí của lỗ đường ống, để ra máng lõm rộng 20mm, sau đó nhét đầy vật liệu chống thấm. Cắt một miếng vuông vật liệu chống thấm có cạnh khoảng 800mm, ở giữa cắt hình tròn có đường kính bằng đường kính của đường ống rồi lồng vào đường ống và dán lại, phần thừa ra dán vào mặt kết cấu.

### 3. Kết luận

Việc kiểm soát chất lượng thi công lớp chống thấm mái SBS là khâu quan trọng trong toàn thể hạng mục chống thấm xây dựng, nhân viên tổ chức thi công cần tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật và yêu cầu thiết kế để tổ chức thi công. Khi thi công cần nắm chắc các thao tác chi tiết, dự phòng toàn diện việc phát sinh hiện tượng thấm nước.

Kim Vị Vỹ

Nguồn: Tạp chí Xây dựng và Kiến trúc TQ, số 7/2012

ND: Kim Nhạn

## Xử lý các vấn đề thường gặp về chất lượng thi công hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng

Khi mức sống được nâng lên, người dân có yêu cầu ngày càng cao hơn đối với môi trường sống của mình. Chất lượng thi công hệ thống cấp thoát nước trong các công trình được mọi người hết sức quan tâm. Trong thực tiễn thi

công, cần nhận dạng các vấn đề về chất lượng thi công hệ thống cấp thoát nước trong công trình để có biện pháp phòng ngừa hoặc xử lý.

### 1. Các vấn đề tồn tại trong thi công các hệ thống cấp thoát nước

Mặc dù kỹ thuật cấp thoát nước trong công trình xây dựng ngày càng trở nên thành thục, tuy nhiên cũng tồn tại rất nhiều vấn đề thường gặp về chất lượng, đó là:

a) *Lựa chọn sử dụng vật liệu ống cấp nước chưa thích hợp.*

Một số thiết kế vẫn lựa chọn sử dụng ống thép mạ kẽm cho cấp nước, lựa chọn này dẫn đến các vấn đề như đường ống dễ bị ăn mòn, tuổi thọ sử dụng ngắn, nước sinh hoạt không đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh... Tiếng ồn phát ra từ ống đứng thoát nước và ống nhánh ngang làm ảnh hưởng tới môi trường sống của cư dân.

b) *Vật liệu ống kiểu mới còn chờ nghiên cứu phát triển.*

Việc nghiên cứu chế tạo và ứng dụng các thiết bị giảm áp, ổn áp kiểu mới vẫn còn không gian phát triển lớn, đặc biệt là việc khai thác và ứng dụng vật liệu đường ống kiểu mới có hiệu quả cao, giá thành thấp.

c) *Vấn đề chạy không tải của đồng hồ nước.*

Đồng hồ nước chạy không tải là hiện tượng đồng hồ vẫn quay khi không có dòng nước đi qua đồng hồ. Hiện tượng này xảy ra chắc chắn ảnh hưởng đến lợi ích của người sử dụng. Nguyên nhân của vấn đề là do chất lượng đồng hồ không tốt, hoặc lỗi trong quá trình lắp đặt đồng hồ.

d) *Vấn đề rò rỉ*

Do mở quá nhiều lỗ trên sàn, đặc biệt là nền nhà vệ sinh, điều này vừa gây hại cho chính thể sàn nhà vừa tăng thêm độ khó trong thi công chống thấm, hơn nữa, trong quá trình sử dụng dễ phát sinh rò rỉ.

e) *Việc lắp đặt đường ống thiếu sự phòng hộ hiệu quả.*

Trong thời gian ngừng lắp đặt đường ống, tiến hành các tác nghiệp khác như thu dọn phế thải, rác xây dựng, ngăn ngừa các tạp vật như vữa xi măng cát rơi vào đường ống.

f) *Những ảnh hưởng từ việc lắp đặt hệ thống thoát sàn.*

Hệ thống thoát sàn có ứng dụng rất phổ biến trong công trình xây dựng. Tại Trung Quốc, trên 90% sử dụng phễu thoát sàn kiểu lồng chuông, nó là một loại thoát sàn kiểu gioăng kín nước. Nước tích trong đường ống thoát sàn còn có thể sản sinh ra một số vi khuẩn có hại, gây phiền toái cho cuộc sống của người sử dụng và có thể truyền bệnh.

g) *Lắp đặt đường ống thoát nước thiếu mỹ quan*

Các ống nhánh ngang thoát nước và ống đứng thoát nước thường được lắp đặt nổi, không những chiếm dụng không gian trong phòng, mà còn làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến bố cục hợp lý trong phòng.

## **2. Đề phòng và xử lý các vấn đề chất lượng thường gặp trong thi công hệ thống cấp thoát nước**

a) *Tắc đường ống*

Đối mặt với những nguyên nhân gây ra vấn đề tắc đường ống, cần làm tốt những công tác dự phòng sau đây: 1) Khi ngưng lắp đặt đường ống, đặc biệt là ống đứng, tại đoạn chờ của đường ống mở dùng tải gai bọc chặt xung quanh, khi ngưng lắp đặt ống đứng trong giếng đường ống, phía trên của giếng đường ống cần đặt tấm gỗ dày để phòng những tạp vật lớn rơi vào; 2) Khi lắp đặt đường ống thoát nước, không những phải theo bản vẽ thi công còn cần xem xét yêu cầu sử dụng thực tế, nếu có nghi vấn về đường kính ống cần đưa ra sự thay đổi trong thiết kế; 3) Tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý các tác nghiệp thi công.

b) *Hiện tượng đồng hồ nước chạy không tải*

Trong quy phạm nghiệm thu công trình lắp đặt xây dựng có quy định rõ: Trước đồng hồ nước phải có ống thẳng 30 cm. Nếu như không nghiêm chỉnh thi công theo yêu cầu này, khi dòng nước đi qua ống đứng cấp nước, trong đường ống của ống nhánh cấp nước sẽ sản sinh cộng hưởng, gây ra hiện tượng đồng hồ chạy không tải. Biện pháp đề phòng và xử lý vấn đề này chủ yếu là kiểm soát nghiêm ngặt

chất lượng đồng hồ, thi công theo yêu cầu của quy phạm nghiệm thu.

### *c) Rò rỉ đường ống*

Thứ nhất, cần kiểm soát vật liệu mua. Đối với tình hình sử dụng của các loại vật liệu ống, phụ kiện ống cần làm tốt việc ghi chép, một khi phát hiện có vấn đề cần kịp thời thay đổi; thứ hai, tăng cường bảo vệ sản phẩm. Sau khi lắp đặt đường ống, cần tăng cường phối hợp với các nhân viên tác nghiệp các loại thi công khác, tại phần giao nhau giữa đường ống với đường ống hay các thiết bị khác cần chú thích rõ vị trí đường ống để tránh gây tổn hại. Kiểm tra định kỳ, sau khi phát hiện hư hại cần kịp thời sửa chữa; thứ ba, tiến hành đào tạo có liên quan đối với nhân viên thi công, trao đổi các trọng điểm kỹ thuật, giao trách nhiệm cho người phụ trách; thứ tư, đối với việc lắp đặt vật liệu ống PPR, cần lựa chọn biện pháp tiến hành dự phòng đối với tính co giãn của nó.

### *d) Sử dụng kỹ thuật thoát nước đồng tầng*

Kỹ thuật thoát nước đồng tầng chỉ phương thức thoát nước khi ống thoát nước thiết bị vệ sinh không xuyên qua sàn mà ống nhánh thoát nước ngang nối tiếp với ống đứng thoát nước tại tầng đó. Ưu điểm của kỹ thuật thoát nước đồng tầng là việc sửa chữa đường ống không làm ảnh hưởng đến hộ gia đình tầng dưới, các thiết bị vệ sinh trong nhà vệ sinh được bố trí linh hoạt, lắp đặt thuận tiện, tiếng ồn thoát nước thấp, đường ống không ngưng tụ, tiết kiệm ống đứng thông khí, giảm bớt mở lỗ trong phòng ...

### *e) Lựa chọn hợp lý vật liệu ống*

Vật liệu ống cấp thoát nước: Đối với vật liệu ống cấp thoát nước cần lựa chọn hợp lý, vận dụng linh hoạt, phát huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu. Tóm lại, ống kim loại có ưu điểm như tuổi thọ sử dụng lâu ... nên dùng cho hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, đặc biệt là hệ thống tự động phun nước chữa cháy. Vật liệu ống phù hợp là vật liệu composite lý tưởng nhất với đường kính ống dưới 300 mm, nó có cường

độ lớn, độ cứng tốt và không bị ăn mòn. Ống thoát nước UPVC có các ưu điểm như vận chuyển thuận tiện, tiết kiệm không gian, mỹ quan đa dạng, khả năng thoát nước cao, giá thành thấp và hiệu quả thi công lắp đặt cao ..., tuy nhiên lại tồn tại các khuyết điểm như hiệu quả cách âm và kháng chấn kém, khả năng phòng cháy thấp, cường độ chống kéo chống cong thấp ... Ống gang thoát nước với phần nối tiếp bằng chất liệu mềm có các ưu điểm như cường độ chống kéo chống cong khá cao, ít tiếng ồn, tuổi thọ sử dụng lâu (thường trên 50 năm) ..., tuy nhiên giá thành khá cao, hiệu quả thi công lắp đặt thấp hơn so với ống thoát nước UPVC. Kiến nghị cần dựa vào chức năng sử dụng của công trình để lựa chọn vật liệu ống thoát nước phù hợp: tại các công trình siêu cao tầng, nhà ở và khách sạn nên xem xét sử dụng trước tiên ống gang thoát nước có phần nối tiếp mềm; còn trong các công trình nhiều tầng và công trình cao dưới 100m có yêu cầu không cao về tiếng ồn như văn phòng, trường học, nơi buôn bán ... nên xem xét sử dụng ống thoát nước UPVC

### *f. Xử lý gioăng kín nước của thoát sàn*

Trong “Quy phạm thiết kế hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng” quy định “độ sâu gioăng kín nước thoát sàn không được nhỏ hơn 50 mm”, mục đích là để phòng sau khi gioăng kín nước bị hỏng, các khí có hại trong đường ống nước ô nhiễm làm ô nhiễm vệ sinh môi trường trong phòng. Tuy nhiên, trong xây dựng và thi công, để giảm bớt giá thành, một số đơn vị đã lựa chọn các phễu thoát sàn chất lượng kém, cao độ gioăng kín nước không đáp ứng yêu cầu; ngoài ra, khi các hộ gia đình sửa sang nhà ở, họ lại lựa chọn trên thị trường các phễu thoát sàn đẹp mắt bằng inox nhưng gioăng kín nước rất nông, khi thoát nước, gioăng kín nước của phễu thoát sàn do áp lực bị phá hủy khiến mùi hôi xâm nhập, ảnh hưởng môi trường trong phòng. Vì vậy, khi thiết kế thi

công, kiến nghị sử dụng gioăng kín nước cao.

g). *Phân tích phương án thiết kế hệ thống thoát nước nhà cao tầng*

Do hệ thống thoát nước nhà cao tầng có ống đứng nối tiếp từ thiết bị vệ sinh tầng trên cùng đến ống xả khá dài, cho nên áp lực thoát nước từ thiết bị vệ sinh tới tầng cuối cùng rất lớn, dễ khiến cho thiết bị vệ sinh tầng dưới xảy ra phun nước khi thoát nước. Đối với nhà cao tầng nên lựa chọn các biện pháp sau:

- Tầng 1 và tầng 2 của nhà cao tầng nên thoát nước độc lập;

- Hệ thống ống thoát nước nhà cao tầng nên tăng cường thông khí, duy trì áp suất cân bằng trong ống, vì vậy, hệ thống thoát nước nhà cao tầng nên sử dụng hệ thống đường ống thoát nước với ống thông hơi chuyên dụng hoặc sử dụng hệ thống đường ống thoát nước kiểu mới;

- Nước bẩn, nước thải nhà cao tầng nên thiết

kế riêng ống đứng thoát nước để sau này tiện cho việc thu hồi và tiến hành xử lý.

### 3. Kết luận

Tóm lại, hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng có mối liên quan mật thiết với cuộc sống hàng ngày của người dân, làm tốt công tác kiểm soát chất lượng trong thi công hệ thống cấp thoát nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong thi công, cần coi trọng việc phân tích các vấn đề về chất lượng thi công hệ thống cấp thoát nước, tăng cường kiểm soát và quản lý chất lượng ở các khâu chủ chốt để nâng cao chất lượng tổng thể của hệ thống cấp thoát nước trong công trình xây dựng.

**Lâu Mạnh Anh**

*Nguồn: Thời báo Xây dựng Trung Quốc  
(<http://www.jzsbs.com>)*

**ND: Kim Nhạn**

## Từ câu thần chú “Vùng ới mở ra!” tới bộ điều khiển từ xa

Điều mà trước đây không chỉ với người thường, mà ngay cả đối với các nhà xây dựng tài giỏi dường như chỉ là chuyện viễn tưởng, thì giờ đây đang trở thành hiện thực. Bài báo này đề cập tới những ngôi nhà thông minh, hay như cách gọi của nhiều người là những ngôi nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Những ngôi nhà như vậy đang xuất hiện ngày càng nhiều trong cuộc sống hiện đại.

Hãy hình dung sau một ngày làm việc mệt nhọc, bạn trở về nhà nghỉ ngơi. Trước đó một giờ đồng hồ, bạn đã thông báo về nhà rằng bạn sắp tan giờ làm. Và ngay khi bạn về, lò vi sóng đã tự làm nóng bữa tối cho bạn; nước sôi trong ấm; điều hòa làm căn phòng mát rượi; bồn tắm đầy tràn nước ấm rất dễ chịu. Khi bạn bước chân lên thêm nhà, đèn tự động bật sáng; trong phòng, một bản nhạc êm dịu cất lên - đó hoàn toàn không phải là tưởng tượng. Đây là sự thật. Và tất cả những điều nêu trên đều diễn ra trong

những ngôi nhà thông minh. Một mặt, đó là một hệ thống điều khiển thay con người thực hiện các công việc thường ngày. Mặt khác, đó là hệ thống kiểm soát mức độ an toàn cho ngôi nhà, có chức năng ngăn chặn không chỉ những vụ trộm cắp mà cả những tai họa luôn có thể xảy ra. Về thực chất, đó là một cơ chế tổng hợp giúp cuộc sống con người dễ chịu hơn.

Những ngôi nhà thông minh xuất hiện khắp nơi trên thế giới: Nhật, Mỹ, nhiều nước châu Âu - tại hầu hết các nước phát triển, nơi mà không còn khái niệm “nhà không thông minh”, và thay vào đó là những tòa nhà tiện nghi, tiết kiệm năng lượng.

Toà nhà thông minh đầu tiên trên thế giới là “Nhà Ngai vàng” tại Tokyo do kiến trúc sư người Nhật Kena Sakamura xây dựng vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Các bộ cảm biến thời tiết mở cửa sổ khi có gió phơn mát rượi, và bật điều hòa khi trong phòng nóng nực. Nếu radio

phát quá to, cửa sổ sẽ tự động khép lại để âm thanh khỏi làm ảnh hưởng những người hàng xóm xung quanh. Nếu chuông điện thoại reo, máy tính sẽ giúp giảm âm ...

Ngôi nhà thông minh nổi tiếng và đắt giá nhất thế giới hiện nay thuộc về Bill Gate - người sáng lập ra hãng Microsoft. Toàn bộ công trình trị giá 100 triệu USD. Đó là một biệt thự nhiều tầng với những trang thiết bị của công nghệ cao cấp nhất. Trong nhà, mọi sự kiểm soát và điều khiển đều do hệ thống máy tính thực hiện, và hệ thống này đảm bảo một khu vực vi khí hậu tối ưu cho từng căn phòng. Tại cửa ra vào của tòa nhà, mỗi vị khách nhận được một “khuy” điện tử đặc biệt có thể nối với tất cả các dịch vụ thông tin trong nhà. Tiếp đó, khuy này thông báo tới các bộ cảm biến là khách đang ở đâu, mục đích là để cả ngôi nhà có thể thực hiện mọi mong muốn của khách.

Việc chiếu sáng đặc biệt trong mỗi phòng đều có thể thiết lập bằng cách bấm các nút của bộ điều khiển từ xa, nghĩa là làm cho từng cụm đèn thích hợp với tâm trạng cũng như ngữ cảnh được thấp sáng. Toàn bộ các bức tường được lắp các màn hình TV đứng. Nhờ có một bộ điều khiển tích hợp, trên các màn hình sẽ hiện ra hình ảnh các bức tranh, các cuốn băng video, các bộ phim và các chương trình truyền hình từ một kho lưu trữ lớn. Các hệ thống điều khiển tự động khí hậu, đèn chiếu sáng, điện thoại và nhiều thiết bị điện tử khác đều hoàn hảo và rất hợp lý. Tuy vậy, trong bối cảnh đó, con người vẫn không trở thành “nô lệ” của những bộ óc điện tử trong ngôi nhà, bởi vì bất cứ lúc nào con người vẫn có thể quay trở lại với việc điều khiển bằng tay truyền thống - song song với các panel điện tử vẫn là các công tắc theo lối xưa.

Tại châu Âu có một tổ chức mà tôn chỉ là phát triển và phổ biến khái niệm “nhà thông minh”. Tổ hợp sân bay Heathrow tại Luân Đôn, Vương quốc Anh là một trong những sự hiện thực hóa khái niệm này. Dự án nằm trong chương trình hợp tác với Echelon Corporation –

nhà sáng lập ra tiêu chuẩn công nghiệp của mạng điều hành (LonWorks) và là một trong những công ty lớn nhất chuyên về các bộ tích hợp hệ thống.

Trong số các dự án lớn “nhà thông minh” khác còn phải nhắc tới Thư viện Quốc gia Pháp. Một hệ thống điều khiển được ứng dụng trong toàn bộ thư viện có tổng diện tích 400.000 m<sup>2</sup>. Hệ thống này tích hợp các bộ khống chế DDC thông qua thanh dẫn PROFIBUS; 2.000 bộ khống chế và 25.000 điểm dữ liệu. Sự ưu việt của công trình này là ở chỗ thiết lập được những điều kiện tối ưu để gìn giữ, bảo quản sách; đồng thời rất tiện nghi, thuận lợi đối với việc tra cứu của 35 nghìn độc giả mỗi ngày.

Tại Nhật, trên cơ sở khái niệm “nhà thông minh” đã có 7 khách sạn - nơi có thể tận hưởng mọi tiện ích văn minh hiện đại với một mức giá khá hợp lý - được xây dựng. Các khách sạn này phần lớn nằm tại những bãi biển và khu nghỉ dưỡng tại ngoại ô thủ đô Tokyo. Công trình tháp Siodom Sumitomo Building ở Tokyo cũng là một tòa nhà thông minh. Trong tòa nhà đa công năng đó, vùng vi khí hậu được thiết lập nhờ tính đa dạng của các hệ thống điều hòa không khí với công suất làm lạnh có thể điều chỉnh được.

Tại Trung Quốc, “nhà thông minh” là những công trình cao chọc trời: tòa nhà Trung tâm thương mại (Bắc Kinh), Tháp Đài Bắc (Đài Loan). Công trình Tháp cao 509 m (101 tầng). Việc xây dựng được khởi công từ tháng 1/1999 và hoàn thành trong năm 2005. Diện tích sàn 30,278 m<sup>2</sup>; trong đó 74,711 m<sup>2</sup> dành cho các cửa hàng; và 198,348 m<sup>2</sup> dành cho văn phòng.

“Nhà thông minh” trước hết là những ngôi nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Dự án nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả đầu tiên tại Manchester (bang New Hampshire - Mỹ) do các kiến trúc sư Nikolas Isaak và Andrew Isaak thực hiện. Thời kỳ đó, nguy cơ khủng hoảng năng lượng tuy chưa bị phơi ra trên các mặt báo, nhưng “dư vị” của một thời kỳ

năng lượng rẻ đã qua. Mức tiêu thụ năng lượng (trước kia không xác định chỉ số) của các tòa nhà giờ đây lại trở thành một tiêu chí nổi bật để đánh giá chất lượng công trình.

Tòa nhà thứ hai được thiết kế và xây dựng cũng theo phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả là EKONO – House tại thành phố Otaniemi (Phần Lan). Theo khái niệm thì đây là những công trình thử nghiệm, qua đó đánh giá hiệu quả của các giải pháp tiết kiệm năng lượng - nhiên liệu theo các chỉ tiêu kỹ thuật, kiến trúc, công nghệ.

Từ hơn ba mươi năm trước, khi xây một công trình, các nhà xây dựng đã xem xét vấn đề sử dụng nhiệt bức xạ mặt trời và khả năng ứng dụng công nghệ máy tính để điều khiển các thiết bị kỹ thuật. Xu hướng này được tiếp tục phát triển thành công, thậm chí tại cả các nước Bắc Âu như Phần Lan (dự án xây dựng thí điểm khu chung cư VIKKI ở Helsinki). Xu hướng thứ hai cũng phát triển khá mạnh mẽ trong xây dựng các công trình mà người ta vẫn gọi là “các ngôi nhà thông minh”. Theo thời gian, các đối tượng nghiên cứu đã thay đổi và được mở rộng hơn. Nếu như tại chính thời điểm khởi công các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trước những năm 90 của thế kỷ XX, mối quan tâm chủ yếu dành cho việc nghiên cứu các giải pháp tiết kiệm năng lượng, thì giữa những năm 90, sự chú ý lại được dồn cho việc nghiên cứu vấn đề hiệu quả sử dụng năng lượng, và sự ưu tiên được dành cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng - các giải pháp đồng thời hỗ trợ nâng cao chất lượng khu vực vi khí hậu.

Cốt lõi của việc thiết kế những tòa nhà hiện đại là cần nhận thức rằng: chất lượng môi trường xung quanh ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng cuộc sống của con người, ở mọi nơi: trong nhà, nơi làm việc, các địa điểm công cộng... Sự tách biệt từng mặt xã hội như vậy chính là một sự công nhận: kiến trúc và xây dựng phát triển dựa trên nhu cầu của con người, nhu cầu tinh thần cũng như nhu cầu vật

chất. Khái niệm này được biểu hiện rất rõ trong dự án khu chung cư VIKKI.

Một ý tưởng quan trọng nữa đối với kiến trúc và xây dựng thế kỷ XXI là việc nhận thức rằng: thiên nhiên không phải là một tấm phông thụ động trước các hoạt động của con người. Kết quả các hoạt động sống của con người là một không gian tự nhiên có những chỉ số tiện ích cao đối với xây dựng đô thị, đồng thời cũng là nguồn năng lượng dành cho hệ thống điều hòa khí hậu của các tòa nhà có thể thiết lập. Ý tưởng này được thể hiện trong việc thiết kế Trung tâm khoa học nghiên cứu môi trường Adam Joseph Lewis Center tại Oberline (bang Ohio - Mỹ).

Kiến trúc sư nổi tiếng Norman Foster cho rằng: “Vấn đề của môi trường tác động tới kiến trúc theo mọi cấp độ. Một nửa nhu cầu tiêu thụ năng lượng tại các nước phát triển dành cho các tòa nhà, 1/4 – dành cho giao thông. Các nhà kiến trúc không thể giải quyết được vấn đề sinh thái toàn cầu, song họ có thể thiết kế những tòa nhà chỉ đòi hỏi một phần mức năng lượng tiêu thụ hiện tại thôi. Ngoài ra, nhờ quy hoạch xây dựng đô thị phù hợp, con người có thể tác động tới các dòng chuyển động giao thông. Việc lựa chọn địa điểm phù hợp, chức năng của mỗi công trình, độ linh hoạt trong cấu trúc, nguồn tài nguyên công nghệ, định hướng, hình thức và cấu trúc, các hệ thống sưởi và hệ thống thông gió của công trình, các đặc tính của loại vật liệu được sử dụng trong quá trình thi công xây dựng - tất cả các thông số đó đều có ảnh hưởng tới nhu cầu năng lượng khi xây dựng, khai thác và bảo trì kỹ thuật cho công trình; cũng như nhu cầu năng lượng của giao thông đi và đến công trình đó”.

Norman Foster đã thể hiện sự am hiểu tính hài hòa của môi trường xung quanh và kiến trúc trong việc thiết kế một công trình xây dựng nổi tiếng - tòa nhà Commerzbank tại thành phố Frankfurt trên sông Main (Đức), một công trình không chỉ là thành tựu mới trong kiến trúc và kỹ

thuật xây dựng các tòa nhà chọc trời, mà còn mở ra một hướng mới trong lịch sử ngành xây dựng thế giới.

Hiện thực xây dựng “tòa nhà bền vững” mà ngày nay thu hút sự quan tâm to lớn của mọi quốc gia trên thế giới chính là sự hoàn thiện thời kỳ phát triển của những công trình nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. “Tòa nhà bền vững” dịch từ tiếng Anh (sustainable building) đúng ra cần hiểu là “tòa nhà giữ gìn cuộc sống”, có nghĩa là những tòa nhà luôn trong trạng thái cân bằng với thiên nhiên và con người.

Hiện nay, khoa học kỹ thuật và công nghệ thay đổi nhanh chóng đến mức “kinh nghiệm” đơn thuần không thể kịp tích góp, còn những “ý tưởng viễn vông” có thể đánh lừa tất cả, nếu nó không được xây dựng trên cơ sở những phương pháp tìm tòi các giải pháp tối ưu một cách khoa học. Trong khoa học hiện đại, “phân tích một cách có hệ thống” chính là phương pháp này. Đó là ngành khoa học nghiên cứu các vấn đề thông qua giải pháp, khi mà sự lựa chọn các giải pháp thay thế đòi hỏi sự phân tích các thông tin phức hợp về trạng thái về mặt lý học của thiên nhiên. “Phân tích một cách có hệ thống” cần được coi là phương pháp luận cơ bản trong thiết kế hiện đại các tòa nhà tiết kiệm năng lượng.

Cơ sở khoa học trong thiết kế các tòa nhà tiết kiệm năng lượng được các nhà khoa học tài năng của Nga nghiên cứu và đề xuất dựa trên sự xem xét ngôi nhà và môi trường thiên nhiên xung quanh như một hệ thống năng lượng thống nhất. Những nghiên cứu chuyên sâu của các nhà khoa học Nga kết hợp với kinh nghiệm của các nhà khoa học phương Tây đã cho phép chúng ta tham gia một cách tích cực vào hoạt động xây dựng các “tòa nhà thông minh”.

Vùng Rostov (Nga) mới đây đã đưa vào sử dụng một ngôi nhà tiết kiệm năng lượng – ngôi nhà đầu tiên của nước Nga. Dự án này có thể thực hiện là nhờ vào chương trình của Chính phủ về giảm thiểu 40% nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước hiện nay.

Trong ngôi nhà mới, các căn hộ sẽ được dành cho cư dân chuyển đến từ những ngôi nhà cũ hỏng. Toàn bộ ngôi nhà 1 tầng được xây trong một thời gian rất ngắn (4-5 tháng), và đủ chỗ cho 2 hộ gia đình sinh sống. Các căn hộ trong ngôi nhà này đều có diện tích 72 m<sup>2</sup>. Theo thiết kế, địa nhiệt và năng lượng mặt trời sẽ được tận dụng. Ngoài ra, các hệ thống tiết kiệm năng lượng và điều hoà không khí hiện đại cũng được lắp đặt trong nhà.

Việc thông tin liên lạc được điều khiển hoàn toàn tự động. Các căn phòng được sưởi ấm nhờ các sàn nhiệt. Quạt thông gió được lắp vào hệ thống sẽ làm không khí nóng lên nhờ nhiệt từ trong phòng tỏa ra.

Trong quá trình xây dựng ngôi nhà này, các cấu trúc bảo vệ nhiều lớp (nên giữ nhiệt rất tốt), cũng như các vật liệu xây dựng đáp ứng được tất cả các yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả đều được sử dụng. Theo thiết kế về mặt kiến trúc, việc ứng dụng các yếu tố kiến trúc mặt trời – trong đó việc lắp kính về hướng nam sẽ được thực hiện tối đa, còn về hướng bắc là tối thiểu. Trong ngôi nhà, các cửa sổ được làm bằng nhựa dẻo cốt kim loại, trong đó lắp các kính có tính phát xạ thấp, nhờ đó sự thất thoát nhiệt giảm đi đáng kể.

Ngôi nhà này được coi là công trình thí điểm, nên suốt cả năm các chuyên gia sẽ tiến hành kiểm tra để làm rõ hơn tính hiệu quả về mặt kinh tế trong quá trình sử dụng ngôi nhà.

Có thể sẽ có nhiều ý kiến phản đối: “Nhà thông minh – ý tưởng tuyệt đấy. Nhưng ngôi nhà như vậy trị giá bao nhiêu tiền?”. Tất nhiên, hiện tại giá những ngôi nhà như vậy không rẻ chút nào. Song các kiến trúc sư và các nhà xây dựng đã và đang tìm các giải pháp để giảm giá cho các công trình của mình. Điều đó có nghĩa là tất cả chúng ta đều có quyền hy vọng.

**V. Klimov**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 1/2012*

**ND: Lê Minh**

## **Vữa bê tông trộn sẵn - thực tiễn sản xuất và ứng dụng trên thế giới**

Bê tông đóng góp một phần không nhỏ, nếu không nói là quyết định, vào sự hình thành cơ sở vật chất của nền văn minh nhân loại. Không có bê tông, thế giới này đã có thể hoàn toàn khác. Loại vật liệu này tồn tại đã nhiều thế kỷ nay, nhưng trong xây dựng bê tông được áp dụng phổ biến sau khi xi măng portland và bê tông cốt thép được phát minh lần lượt tại Anh và Pháp. Ý tưởng sản xuất tập trung vữa bê tông và chuyên chở tới địa điểm xây dựng mới ra đời khoảng hơn 100 năm nay.

Đúng về mặt phát triển công nghệ, bê tông chỉ có thể đạt được chất lượng cao khi sản xuất tĩnh tại (cố định), cộng với sự kiểm soát chặt chẽ các nguyên liệu thành phần cũng như quá trình trộn vữa.

Vữa bê tông trộn sẵn được ứng dụng chủ yếu trong xây liền khối, để dựng nên những ngôi nhà ở và nhà công nghiệp, những công trình văn hóa xã hội, các con đập, các tổ hợp năng lượng, tháp truyền hình... Tháp truyền hình cao nhất thế giới được xây dựng bằng bê tông liền khối. Những tòa nhà cao nhất trên khắp các châu lục cũng được xây dựng nhờ có bê tông cốt thép liền khối kết hợp với thép, trong số đó phải kể đến tòa nhà cao kỷ lục thế giới Burj Khalifa tại Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất), với chiều cao kể cả tháp anten là 828 m.

Sau vụ khủng bố làm sập toàn bộ khung thép của tòa nhà Trung tâm Thương mại thế giới (New York - Mỹ) năm 2001, trong tất cả các thiết kế nhà cao tầng, khung bằng thép đã được thay thế bằng bê tông cốt thép.

Theo Tiêu chuẩn châu Âu EN 13501-1, các vật liệu xây dựng được chia thành 7 nhóm. Nhóm A1 bao gồm các vật liệu có độ bền chống cháy cao nhất; và bê tông thuộc nhóm này. Trong nửa sau của thế kỷ XX, các lĩnh vực

trong xây dựng có ứng dụng bê tông đã phát triển một cách vững chắc, và bê tông dần chiếm vị trí vượt trội so với các vật liệu xây dựng khác, trước hết là thép cán.

Công nghiệp vữa bê tông trộn sẵn – tương lai không xa sẽ là điểm mấu chốt để thực hiện bất cứ một thiết kế xây dựng nào trên thực tế - đang đòi hỏi phải chuyên môn hoá việc sản xuất các trang thiết bị khác nhau: thiết bị phối liệu, máy trộn vữa, thiết bị vận chuyển bê tông tự động, máy bơm bê tông, các cấu trúc ván khuôn khác nhau... Trong xây liền khối, rất nhiều kỷ lục về mặt kỹ thuật công nghệ đã được thiết lập. Năm 1998 tại Las Vegas (Mỹ) khi xây các tấm móng của khách sạn MGM, 16 nghìn m<sup>3</sup> bê tông đã được đổ trong vòng 24 giờ đồng hồ. Tốc độ đổ bê tông đạt được 670 m<sup>3</sup>/h.

Khi đổ bê tông chân móng của tòa nhà «Liên bang» trong trung tâm Moskva (Nga); hơn 9 nghìn m<sup>3</sup> bê tông đã được đổ trong 39 giờ đồng hồ. Tốc độ đổ bê tông đạt được 244 m<sup>3</sup>/h. Bê tông được sử dụng cấp mác B50.

Tổng sản lượng vữa bê tông trộn sẵn trên toàn thế giới lên tới 2 tỷ m<sup>3</sup>. Hơn một nửa số đó là của các nước Đông Nam Á, mà đứng đầu là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản.

Tại châu Âu, hơn 12 nghìn nhà máy với 70 nghìn nhân công phục vụ cho việc sản xuất vữa bê tông trộn sẵn. Với mức sản lượng hàng năm 320 triệu tấn, mỗi công nhân này một năm đảm nhận việc làm ra 5 nghìn tấn. Vốn lưu động của ngành lên tới 15 tỷ USD. Những nước đứng đầu trong sản xuất vữa bê tông trộn sẵn: Tây Ban Nha - 81 triệu m<sup>3</sup>; Italia - 73 triệu m<sup>3</sup>; Đức - 47 triệu; Pháp - 35 triệu; Anh - 22 triệu; Nga - 40 triệu m<sup>3</sup>.

Thị trường vữa bê tông trộn sẵn ở châu Âu đạt mức tăng trưởng tương đối ổn định trong vòng 2 năm trở lại đây - tỷ lệ với mức tăng



trường GDP. Các doanh nghiệp sản xuất xi măng và chất độn cho vữa bê tông được mở rộng. Tại nhiều nước như Tây Ban Nha, Italia, Đức, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã chiếm tới hơn 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Cũng cần nói thêm về các nước Đông Âu – các thành viên mới của EC. Các nước Đông Âu tổng cộng có 74 triệu dân (chiếm 17% dân số của các nước thuộc EC), song GDP chỉ chiếm xấp xỉ 4% tổng GDP toàn châu Âu, và khối lượng xây dựng chỉ chiếm 5%. Tại các quốc gia này, ngành vữa bê tông trộn sẵn phần lớn đã tư hữu. Mức độ tập trung sản xuất tại từng quốc gia có khác nhau. Tại Tiệp Khắc, 87% sản lượng vữa bê tông tập trung trong tay của 7 doanh nghiệp. Tại Ba Lan, 40% sản lượng thuộc về 8 doanh nghiệp chủ yếu liên doanh với các nhà sản xuất vữa bê tông trộn sẵn lớn của châu Âu. Tại Rumani, con số này chỉ là 20%. Chủ sở hữu các nhà máy có thể là nhà sản xuất xi măng (như ở Estonia), hoặc là các công ty xây dựng (ở Serbia, Croatia). Nói một cách khác, cơ cấu thị trường của ngành này hiện nay tại các nước Đông Âu đang trong giai đoạn hình thành.

Các nước châu Mỹ La tinh sản xuất xấp xỉ 50 triệu m<sup>3</sup> vữa bê tông trộn sẵn, hơn một nửa số đó thuộc về Brazil và Mexico. Tại Brazil, triển vọng phát triển của việc ứng dụng bê tông nhìn chung khá tốt, nhất là trong xây dựng đường xá (chỉ 15% hệ thống đường tại nước này đạt tiêu chuẩn) và xây nhà ở.

Ngành công nghiệp vữa bê tông của Mỹ rất ấn tượng; tổng sản lượng trong cả nước hơn 300 triệu m<sup>3</sup>. Tại Mỹ, trong lĩnh vực này có 2,5 nghìn doanh nghiệp hoạt động. Công nghiệp vữa bê tông trộn sẵn ứng dụng những nghiên cứu mới nhất. Hướng tới mục tiêu này, Hiệp hội các nhà sản xuất vữa bê tông trộn sẵn có một Quỹ phục vụ các nghiên cứu chuyên ngành.

Tại Nhật Bản, hơn 5 nghìn nhà máy sản xuất vữa bê tông phục vụ việc xây dựng bê tông cốt thép liên khối, với tổng sản lượng xấp xỉ 150 triệu m<sup>3</sup>/ năm.

Nâng cao chất lượng sản phẩm là điều kiện bắt buộc để chiếm lĩnh thị trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin để kiểm tra các tính chất của vật liệu cấu tạo, hàm lượng của chúng, quy cách trộn, ban hành các tài liệu văn bản kèm theo... đã hỗ trợ rất nhiều cho việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

Các hệ thống điều khiển hỗ trợ cho phép thu nhận các thông tin đa dạng, trong đó có cả thông tin về mặt đo đạc địa hình đã được ứng dụng, chẳng hạn, về vị trí máy trộn tự động với các tình trạng: hoạt động có tải; không tải... Máy trộn tự động được trang bị sẵn các bộ cảm biến ấn định thời gian cung cấp và dừng không tải; vượt quá thời gian quy định bên đặt hàng phải chịu phí tổn thêm; thời gian bắt đầu và kết thúc việc đổ bê tông, nhiệt độ của vữa...

Những yêu cầu về vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh ngày càng chặt chẽ hơn. Trong vòng 4 thập kỷ qua, Liên minh Châu Âu đã thông qua hàng chục tiêu chuẩn và các văn bản chỉ thị về vấn đề này. Các văn bản này đều đề cập tới sự cần thiết phải xây dựng được một nền sản xuất phi chất thải với một chu trình công nghệ khép kín. Nếu vấn đề đó không khả thi thì chất thải dưới bất cứ hình thức nào cũng cần phải được chuyển hóa thành những nguyên liệu bán thành phẩm để tái sử dụng. Nếu cả vấn đề vữa nêu cũng không khả thi, thì việc phân bố chất thải trong môi trường xung quanh cần được tiến hành trên cơ sở thu phí theo yêu cầu về nồng độ các chất độc hại được cho phép.

Ngoài chất lượng kỹ thuật xây dựng cao, bê tông khác biệt so với các loại vật liệu xây dựng khác bởi tính an toàn sinh thái cao và sử dụng năng lượng ít để sản xuất. Để lựa chọn vật liệu cho hàng loạt các dự án xây dựng, trong thời gian sắp tới, những yếu tố trên sẽ được quy định. Sản xuất bê tông không tạo ra những chất thải độc hại (so với việc sản xuất thép chẳng hạn). Thậm chí về mặt nguyên tắc, sản xuất bê tông hoàn toàn không tạo chất thải.

Nước khi rửa thùng quay và các bánh của máy trộn tự động, và vữa bê tông sót lại trong

thùng có thể được tái xử lý và sử dụng.

Tất cả các nước là thành viên EU đều có Hiệp hội Vữa bê tông trộn sẵn của mình, và đều có đại diện tại ERMCO (European Organization on Ready Mix Concrete). Nhiệm vụ của ERMCO - bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp, các nhà sản xuất vữa bê tông trộn sẵn trên thị trường xây dựng châu Âu; nâng cao vai trò của loại vật liệu này trong xây dựng. Tháng 6/2012, ERMCO sẽ tổ chức Hội nghị thường niên tại Verona (Italia) với sự tham dự của các Hiệp hội vữa bê tông trộn sẵn liên khu vực của châu Mỹ La tinh, Bắc Mỹ, các đại diện từ châu Á và châu Úc. Đây là một cơ hội để các giải pháp trong lĩnh vực bê tông và bê tông cốt thép được triển khai rộng rãi.

Nga gia nhập WTO trong bối cảnh các nước châu Âu đang tiến hành những sửa đổi căn bản các tiêu chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn chung châu Âu. Có thể dự báo các sản phẩm xây dựng của Nga trên thị trường các nước trong khu vực thực sự sẽ chịu một rào cản, do không có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn chung châu Âu, hoặc thậm chí do không ai được biết đến loại sản phẩm đó. Các tiêu chuẩn quốc gia cần hội nhập với Tiêu chuẩn chung châu Âu, dựa trên ngân sách quốc gia. Xây dựng mới cơ sở tiêu chuẩn đối với Nga còn thuận lợi hơn là duy trì các tiêu chuẩn cũ với một mức lãi suất khá khiêm tốn trong các ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh đó, vấn đề tài trợ cho việc nghiên cứu các tiêu chuẩn là một việc có lợi, xét về quan hệ kinh tế. Ở thời điểm hiện tại, khối lượng hoạt động xây dựng tại Nga tất nhiên thua Mỹ hoặc Nhật; song không hề kém so với nhiều nước châu Âu như Đức hay Vương quốc Anh.

Theo số liệu của Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO), hàng năm cần sửa đổi ít nhất 10% các tiêu chuẩn hiện hành. Nói một cách khác, thời hạn hiệu lực của mỗi tiêu chuẩn – theo nguyên tắc - tối đa là 10 năm. Tất cả các tiêu chuẩn châu Âu hiện hành đều có thời hạn soát xét cụ thể.

Bê tông trong những năm gần đây đã đạt được những tiến bộ thực sự. Các nhà khoa học thậm chí đã có thể nói về một cuộc cách mạng khoa học công nghệ trong sản xuất loại vật liệu xây dựng này. Nhiều loại bê tông siêu bền, bê tông tự lèn... đã xuất hiện. Khách hàng luôn quan tâm không chỉ tới các đặc tính công nghệ của vữa bê tông trộn sẵn; điều quan trọng hơn cả là các tính chất đó liệu có phù hợp với công trình mà loại vật liệu này tham gia? Do đó, chuyên nghiệp hoá việc quảng bá cho các doanh nghiệp sản xuất bê tông theo loại hình xây dựng, chẳng hạn : “bê tông để xây móng và các công trình ngầm”; “bê tông xây nhà cao tầng”; “bê tông xây cầu”... đã trở thành một bước đi mạnh mẽ trong thị trường xây dựng.

Nhà bê tông học Adam Newill nhận định: « Các nhà thiết kế hiện nay hiểu biết về bê tông kém xa so với 20 năm trước đây». Sự am hiểu cần thiết về tính chất cấu tạo và đặc tính công nghệ của các loại bê tông hiện đại là điều đòi hỏi ở một nhà thiết kế hiện nay. Trong Tiêu chuẩn châu Âu EN 13670 “Xây dựng các cấu trúc bê tông cốt thép” có cả các phụ lục chỉ dẫn (dưới hình thức bảng) các tính chất, thông số và yêu cầu đối với các vật liệu được nêu ra trong hồ sơ thiết kế của mỗi tòa nhà hay công trình bằng bê tông cốt thép.

Nga đang tích cực trên con đường hội nhập với nền kinh tế châu Âu. Đương nhiên, việc soát xét và nghiên cứu các tiêu chuẩn mới về bê tông và bê tông cốt thép của Nga cũng cần được tiến hành trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn chung châu Âu. Và sự tham gia của Nga vào Hội nghị của ERMCO diễn ra vào tháng 6/2012 được kỳ vọng sẽ mở ra nhiều cơ hội tiếp xúc và phát triển cho nước Nga trong lĩnh vực sản xuất bê tông và bê tông cốt thép.

**I. Volkov**

*Nguồn : Báo Xây dựng Nga số 13  
(30/3/2012)*

**ND: Lê Minh**

## **Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp thân mật Ngài Ranjit Rae - Đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam**

Ngày 22/5/2012, đoàn công tác của Ấn Độ do Ngài Đại sứ Ranjit Rae dẫn đầu đã đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã thân mật tiếp đoàn.

Cùng dự buổi làm việc tại Bộ Xây dựng còn có ông Ravi Shankar - Tham tán thương mại, ông John H. Ruolngul - Bí thư thứ nhất kiêm Chánh văn phòng Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam, và đại diện một số doanh nghiệp Ấn Độ đang hoạt động tại Việt Nam

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao quan hệ hợp tác Việt Nam - Ấn Độ trong các năm qua, đặc biệt là hợp tác đầu tư trong lĩnh vực khai thác đá, vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, hợp tác song phương Việt Nam - Ấn Độ vẫn còn khiêm tốn, chưa xứng với tiềm năng của hai nước. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ, lãnh đạo Bộ Xây dựng nói riêng và Chính phủ Việt Nam nói chung luôn ủng hộ các doanh nghiệp Ấn Độ đầu tư vào Việt Nam. Đối với Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản (ảnh hưởng không nhỏ tới dự án khai thác đá của các công ty Ấn Độ tại Yên Bái và Nghệ An), Bộ Xây dựng đã có công văn đề nghị Chính phủ gia hạn thời gian áp dụng Chỉ thị để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể tái cấu trúc, xây dựng lộ trình phát triển thích hợp.

Thay mặt đoàn công tác của Ấn Độ, Đại sứ Ranjit Rae cảm ơn sự tiếp đón trọng thị của Bộ trưởng dành cho đoàn, đồng thời bày tỏ sự cảm ơn cá nhân Bộ trưởng cũng như Bộ Xây dựng nói chung vì đã quan tâm, theo dõi và luôn ủng hộ các doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam. Hướng tới kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, và 5 năm ngày



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Ngài Ranjit Rae*

Việt Nam, Ấn Độ chính thức trở thành đối tác chiến lược, Đại sứ Ranjit Rae khẳng định sẽ nỗ lực để thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương Việt Nam - Ấn Độ, tập trung đặc biệt vào quốc phòng an ninh, kinh tế - thương mại và văn hóa - giáo dục đào tạo. Về tình hình khai thác đá trắng của các doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam, Đại sứ mong muốn Bộ Xây dựng tạo điều kiện tháo gỡ các vướng mắc, giúp các doanh nghiệp Ấn Độ có thể phát triển, đem lại lợi ích cho bản thân các doanh nghiệp và cho các địa phương doanh nghiệp đang hoạt động. Đại sứ Ranjit vui mừng thông báo Chính phủ Ấn Độ đã quyết định tăng số học bổng dành cho cán bộ kỹ thuật của Việt Nam từ 75 lên 150 suất trong năm tới, và đề xuất Bộ Xây dựng tuyển chọn, đề cử cán bộ đủ tiêu chuẩn sang theo học.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ quan tâm, chia sẻ trước những băn khoăn, lo ngại của Ngài Đại sứ cùng đại diện các doanh nghiệp Ấn Độ, đồng thời khẳng định sẽ chỉ đạo sát sao nhiệm vụ nghiên cứu phân biệt các loại đá (đá thô, đá sơ chế, đá tinh chế) - giao cho Vụ Vật liệu Xây dựng nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng mà các doanh nghiệp khai thác đá của Ấn Độ tại Việt Nam đang gặp phải. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng gửi lời cảm ơn chân thành tới cá nhân Ngài Đại sứ trong vai trò

là cầu nối cho hợp tác đầu tư trong lĩnh vực xây dựng giữa hai nước. Bộ trưởng cũng đề nghị Ngài Đại sứ đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam tăng cường năng lực quản lý, tăng sản lượng khai thác và đặc biệt chú trọng

phát triển công nghệ, giảm thiểu tác động tới môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo phát triển bền vững.

Thu Huyền

## **Hội nghị biểu dương Điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2011**

Ngày 19/5/2012, tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam (CĐXDVN) đã tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2011. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Tham dự hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam Hoàng Ngọc Thanh, Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Văn Bình, đại diện lãnh đạo các công đoàn cơ sở thuộc CĐXDVN và 250 đại biểu điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Văn Bình đã nhấn mạnh vai trò của các phong trào thi đua đối với sự phát triển của ngành Xây dựng nói riêng và cả nước nói chung. Trong năm qua, ngành Xây dựng đã vượt qua khó khăn để có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Các đơn vị trong ngành đã tham gia hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và quốc tế. Theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng XI, CĐXDVN đã phối hợp với Bộ Xây dựng phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm 2011 - 2015. Từ phong trào thi đua sản xuất, nhiều tập thể, cá nhân đã phát huy tinh thần thi đua lao động sáng tạo, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, khẳng định được bản lĩnh, tài trí sáng tạo, nỗ lực vươn lên làm chủ công trình của cán bộ công nhân viên chức



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị*

lao động ngành Xây dựng.

Báo cáo với Hội nghị về những thành tích tiêu biểu của ngành Xây dựng toàn quốc năm 2011, ông Phạm Quang Thịnh - Phó Chủ tịch CĐXDVN cho biết, CĐXDVN đã chủ động phối hợp cùng chính quyền tổ chức được 335 đợt thi đua, thu hút được đông đảo cán bộ công nhân viên chức lao động các đơn vị tham gia, đặc biệt chú trọng các chiến dịch thi đua trên các công trình trọng điểm nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo các mục tiêu đã đề ra. Các cán bộ, công chức thuộc khối quản lý, hành chính sự nghiệp đã thi đua thực hiện tốt phong trào “Người cán bộ công chức Trung thành – Sáng tạo – Gương mẫu”. Khối nhà trường đã tổ chức phong trào thi đua đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, tự làm mô hình học cụ phục vụ giảng dạy, học tập, chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với đào tạo không đạt chuẩn. Phong trào thi đua “Lao động giỏi”, “Lao

động sáng tạo” được triển khai ở nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc bộ, nhiều sáng kiến được phát huy đem lại hiệu quả lớn, góp phần hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của ngành.

Ghi nhận những thành tích của các đơn vị, cá nhân năm 2011, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, CĐXDVN, các Bộ, ban, ngành đã tặng Huân chương các loại cho 129 cá nhân, tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ cho 255 cá nhân, tặng Cờ thi đua xuất sắc toàn diện và chuyên đề của Tổng Liên đoàn cho 27 đơn vị...

Phát biểu tại hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh vai trò của các phong trào thi đua do CĐXDVN phát động, đánh giá cao, trân trọng thành tích đạt được của 250 lao động giỏi, sáng tạo được suy tôn trong hội nghị lần này, đồng thời kiến nghị CĐXDVN phát triển các phong trào thi đua trên tinh thần tự giác, có ý thức trách nhiệm, thiết thực, không hình thức, gắn liền với phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện đồng bộ các giải pháp thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, chủ động hướng vào giải quyết các vấn đề cấp bách; phát hiện, nhân rộng và tiếp tục đổi mới chất lượng các phong trào thi đua; tăng cường kiểm tra, giám sát, hoàn thiện bộ máy công tác thi đua.

## **Hội thảo Kinh nghiệm của thành phố YOKOHAMA trong công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị**

Ngày 17/5/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Cơ quan phát triển quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức Hội thảo “Kinh nghiệm của thành phố Yokohama trong công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị”.

Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam Tsuno Motonori, Giám đốc Ban Hợp tác kỹ thuật quốc tế thành phố Yokohama Nhật Bản Tohru Hashimoto và đại diện các Bộ ngành ở trung ương, chính quyền

Đồng tình với những nhận định, ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Phó chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam Hoàng Ngọc Thanh đã phát biểu ghi nhận những thành tích ngành Xây dựng đạt được trong năm 2011, và đề nghị Ban chấp hành CĐXDVN đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cụ thể hóa nội dung các phong trào thi đua của tổng liên đoàn nhằm xây dựng chân dung người thợ xây dựng trong điều kiện mới; thực hiện chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, tiếp tục học tập Bác, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô; xây dựng tiêu chí phong trào thi đua sáng tạo; nghiên cứu cơ chế tạo động lực thi đua, quan tâm hơn nữa tới cuộc sống người lao động, đặc biệt là những lao động tại các công trình trọng điểm, các vùng khó khăn.

Hội nghị đã suy tôn, biểu dương 250 công nhân viên chức lao động tiêu biểu, những tấm gương điển hình tiên tiến trên mọi lĩnh vực lao động sản xuất và công tác, những cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, những công nhân giàu tâm huyết, nhiệt tình, sáng tạo đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Xây dựng và của tổ chức Công đoàn Xây dựng.

**Thu Huyền**

các thành phố, các Hội chuyên ngành xây dựng, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam, các viện quy hoạch, các trường đại học cùng các nhà quản lý, các nhà quy hoạch, và đông đảo chuyên gia xây dựng và kiến trúc.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam Tsuno Motonori cho biết Yokohama là một trong các thành phố ở Nhật Bản đã rất thành công trong công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị, là thành phố xanh, sinh thái và được đánh giá là

thành phố có môi trường sống thân thiện. Thành phố đã và đang đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản.

Trong thời gian qua, JICA đã ký kết với thành phố về việc phối hợp chia sẻ kinh nghiệm của Yokohama với các thành phố của các quốc gia khác trên thế giới.

Hội thảo được tổ chức nhằm tạo điều kiện cho thành phố Yokohama chia sẻ những kinh nghiệm cụ thể hơn trong công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị với các thành phố ở Việt Nam.

Giám đốc Ban hợp tác kỹ thuật quốc tế thành phố Yokohama Tohru Hashimoto đã giới thiệu về công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị của Yokohama. Báo cáo giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển của thành phố, những vấn đề cấp bách của đô thị và các giải pháp đã được thành phố áp dụng mà đem lại cho Yokohama những thành tựu quan trọng trong phát triển đô thị.

Yokohama là thành phố lớn thứ hai của Nhật Bản, thành phố cảng đẹp và nổi tiếng, là thủ phủ của vùng Kanagawa. Với nét đẹp thanh lịch Yokohama đã mang lại cho Nhật Bản một điểm nhấn. Cho đến thời Edo (1603-1867), khi Nhật Bản vẫn duy trì chính sách tách biệt, cảng Yokohama đã mở cửa buôn bán với nước ngoài. Đó là một trong những lý do khiến Yokohama phát triển nhanh chóng từ một làng cá nhỏ thành một trong những thành phố chính của Nhật Bản.

Lịch sử phát triển thành phố được đặc trưng bởi quá trình xây dựng, bị phá hủy nặng nề do trận động đất diễn ra vào năm 1923, được xây dựng lại rồi lại bị tàn phá trong Chiến tranh thế giới thứ II sau đó lại được xây dựng lại. Ngày 1/9/1956, Yokohama trở thành thành phố trực thuộc trung ương, thủ phủ của tỉnh Kanagawa và kể từ đó, Yokohama tiếp tục phát triển và trở thành một trong những đô thị đẹp, hiện đại nhất Nhật Bản.

Điểm lại quá trình phát triển của Yokohama, báo cáo tham luận cho thấy sau Thế chiến thứ



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn (ở giữa) đồng chủ trì Hội thảo

2, Nhật Bản bước vào thời kỳ phát triển và Yokohama phải đối mặt vấn đề dân số tăng đột biến (từ năm 1960 đến năm 1980 dân số tăng gấp 2 lần từ 1,37 triệu lên 2,77 triệu người) gây nên tình trạng thiếu nhà ở, đô thị phát triển tràn lan, không kiểm soát được, không gian xanh biến mất; sự phát triển của hạ tầng đô thị không tương xứng với sự phát triển của đô thị; các vấn đề môi trường gia tăng như chất thải, đất xây dựng công nghiệp nằm xen lẫn với đất khu dân cư,... Từ đó thành phố phải đối mặt với những thách thức như ô nhiễm không khí và môi trường nước, tắc nghẽn giao thông,...

Trước nhu cầu cấp bách giải quyết các vấn đề của đô thị, thành phố đã thực hiện các giải pháp nhằm từng bước vượt qua thách thức, trên tinh thần sáng tạo, cởi mở, cầu tiến và sẵn sàng đối mặt với các thách thức mới đặc biệt đã sáng tạo và triển khai phương pháp phát triển đô thị độc đáo mà được gọi là Mô hình thành phố Yokohama. Đó là việc dành đất cho việc kiểm soát quá trình đô thị hoá, triển khai thực hiện 6 dự án cơ bản cho việc giải quyết các vấn đề của đô thị.

Trong quá trình phát triển thành phố đã xây dựng các đô thị vệ tinh dọc theo các tuyến đường sắt đồng thời dành 1/4 quỹ đất của thành phố cho việc kiểm soát sự phát triển đô thị (nhằm hạn chế đô thị hoá).

Ngoài ra, thành phố thực hiện 6 dự án cơ bản làm động lực cho sự phát triển và giải quyết các vấn đề của đô thị. Đó là các dự án: Cải

thiện chức năng của các khu trung tâm đô thị, phát triển khu đô thị mới Kohoku, lấn biển Kanazawa, xây dựng đồng bộ các hệ thống đường cao tốc và đường sắt và xây dựng cầu vượt qua vịnh.

Khu đô thị trung tâm Minato Mirai 21 (Minato Mirai 21 có nghĩa là thành phố cảng tương lai của thế kỷ 21) là một ví dụ điển hình về dự án cải thiện chức năng khu trung tâm. Trước đây đây là nơi xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp đóng tàu đan xen với khu dân cư, nay theo dự án các nhà máy và khu công nghiệp được di chuyển ra khu vực đất lấn biển Nakazawa và các khu đất khác còn khu trung tâm được chuyển đổi chức năng thành khu đô thị trung tâm đa chức năng kết hợp xây dựng thêm các trung tâm văn hoá quốc tế, các trung tâm thông tin đô thị và được phát triển theo hướng thân thiện với môi trường. Tại đây có hệ thống giao thông đa phương tiện: Đường bộ, đường sắt, đường thủy với nhiều chủng loại phương tiện vận tải khác nhau tạo điều kiện rất thuận lợi cho hoạt động đi lại của cư dân. 26% quỹ đất của khu đô thị được sử dụng cho các công viên, cây xanh. Thiết kế đô thị được thực hiện theo hướng chiều cao các toà nhà giảm dần ra phía biển nhằm tạo cho các toà nhà có được tầm nhìn ra biển với cảnh quan đẹp. Với mục tiêu trở thành thành phố tương lai của thế kỷ 21, đất xây dựng được phân bố hài hoà trong đó việc sử dụng đất phải tính đến đặc trưng của từng vùng như kinh doanh, cảng biển, thương mại, khu vực quốc tế và khu vui chơi.

Yokohama cũng là nơi đã và đang triển khai thành công và rất sáng tạo các sáng kiến về môi trường. Thành phố thực hiện chứng nhận và đánh giá xếp hạng cho các toà nhà theo các tiêu chí môi trường, Với cách xếp hạng này thành phố có 7 toà nhà được xếp hạng S (thứ hạng cao nhất) trong đó 4 toà nhà thuộc khu đô thị trung tâm Minato Mirai 21. Các công trình được xây dựng theo hướng mái, tường nhà xanh và không gian công cộng xanh, sử dụng rộng



*Khu đô thị trung tâm Minato Mirai 21*

rãi hệ thống chiếu sáng tự nhiên, phát triển các dự án thành phố thông minh (áp dụng quản lý năng lượng tối ưu đối với nhiều khu vực khác nhau từ nhà kinh doanh, thương mại cho đến chung cư, trường học, nhà trung bày và các khu vực tương lai).

Yokohama đã thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai như gia cố nền móng chống hoá lỏng và lún sụt đất, chống thủy triều dâng và sóng thần, quản lý nước thải đổ ra biển và tăng cường sử dụng nước tuần hoàn, thực hiện các biện pháp cắt giảm lượng khí thải và chất thải các loại trên cơ sở chính quyền, doanh nghiệp và người dân cùng phối hợp với nhau trong việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải.

Một trong những biện pháp đem lại sự thành công cho công tác môi trường là sự tuyên truyền rộng rãi với nhiều hình thức rất phong phú, đa dạng nhằm vận động người dân thực hiện như họp giải thích về phân loại rác, tổ chức tuyên truyền trước các nhà ga, hướng dẫn phân loại rác vào buổi sáng, đưa các bài giảng về G30 vào các trường tiểu học và trung học, phát động các hoạt động thu gom rác,...

Thực hiện các giải pháp nêu trên Yokohama đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tháng 7/2008 Yokohama được Chính phủ Nhật Bản chọn là một trong 12 “thành phố môi trường điển hình”, năm 2010 được Ngân hàng Thế giới chọn là một trong 6 “thành phố Eco2” do thực hiện thành công G30 và các biện pháp ứng phó với môi trường và phát triển đô thị, năm

2005 gia nhập nhóm 20 thành phố hàng đầu thế giới cùng nhau lập kế hoạch hành động và hợp tác để giảm lượng khí nhà kính và đạt các mục tiêu toàn cầu, năm 2011 được Chính phủ Nhật Bản lựa chọn là một trong 11 “thành phố tương lai” ở Nhật Bản và trở thành một trong các thành phố đầu tiên trên thế giới giành được Giải thưởng thành phố thông minh tại Triển lãm và Hội nghị quốc tế về Thành phố thông minh diễn ra tại Barcelona Tây Ban Nha. Hiện nay Yokohama đang hướng tới mục tiêu trở thành thành phố toàn cầu có kinh nghiệm tốt nhất về phát triển đô thị.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn

Đình Toàn hoan nghênh việc tổ chức Hội thảo và ghi nhận các kinh nghiệm tốt của thành phố Yokohama được giới thiệu tại Hội thảo.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhấn mạnh, Yokohama là thành phố quản lý đô thị tốt nhất Nhật Bản nên những kinh nghiệm về quản lý đô thị được chia sẻ rất bổ ích đối với Việt Nam; Hội thảo là cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, tạo nên sự gắn bó giữa Việt Nam và Nhật Bản, giữa các thành phố của Việt Nam và các thành phố của Nhật Bản, đồng thời giúp ích hiệu quả cho công tác quản lý đô thị, quy hoạch ở Việt Nam.

**Huỳnh Phước**

## **Đề án nâng cấp Trường trung cấp xây dựng số 4 thành Trường cao đẳng xây dựng miền Bắc**

Ngày 16/5/2012 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì cuộc họp thẩm định Đề án đề nghị thành lập Trường Cao đẳng xây dựng miền Bắc (Trường CĐXDMB) trên cơ sở nâng cấp Trường trung cấp xây dựng số 4 (Trường TCXD số 4) trực thuộc Bộ Xây dựng.

Dự họp có ông Trần Thanh Hà - Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, bà Nguyễn Thị Nga - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - cán bộ; ông Bùi Văn Dũng - Hiệu trưởng Trường TCXD số 4 và đại diện các phòng, ban của nhà trường.

Theo Báo cáo tóm tắt Đề án đề nghị thành lập Trường CĐXDMB, Trường TCXD số 4 được thành lập theo Quyết định số 800/BKT ngày 21/6/1972 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng); trụ sở đặt tại số 24 Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nhiệm vụ của nhà trường là đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề cho tất cả các thành phần kinh tế, trước hết là các đơn vị trong ngành Xây dựng và các ngành kinh tế kỹ thuật khác ở các tỉnh phía Bắc; đào tạo đa cấp học: Đại học xây dựng, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề với nhiều hình thức:



*Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp*

Chính quy dài hạn, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng kiến thức.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, Trường TCXD số 4 đã đào tạo được gần 15.000 người tốt nghiệp các ngành thiết kế kiến trúc, thi công xây dựng, khảo sát xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, máy xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, vật tư, kế toán tổng hợp, công nhân xây dựng (nền, mộc, cốt thép, hàn, điện dân dụng và công nghiệp,...). Hơn 90% học sinh, sinh viên do nhà trường đào tạo, sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay và đúng với chuyên môn được đào tạo có thu nhập



ổn định, có cơ hội được học liên thông lên cao đẳng, đại học tại trường. Đã có rất nhiều cựu học sinh phát huy tốt năng lực của mình, đã tiến thân lập nghiệp, nắm giữ cương vị chủ chốt như lãnh đạo của các đơn vị sản xuất, các cty xây dựng, ban quản lý dự án, Sở xây dựng của các tỉnh thành trong cả nước.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị là cung cấp nguồn nhân lực có kỹ thuật và chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và của đất nước nói chung, nhiều năm qua nhà trường đã rất quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên và không ngừng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đội ngũ giáo viên không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng cao, bên cạnh đó cơ sở vật chất tăng lên đáng kể: Phòng học lý thuyết đạt chuẩn 100%, phòng học thực hành cơ bản được trang bị theo hướng hiện đại, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm được hoàn thiện,...Đó là cơ sở quan trọng phục vụ cho việc đào tạo nguồn nhân lực trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, lành nghề và đủ về số lượng, có chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và đủ sức tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 10/6/2011 Bộ Xây dựng đã có văn bản số 902/BXD-KTQH về quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2011 - 2012 trong đó Trường TCXD số 4 được nâng cấp thành trường Cao đẳng xây dựng vào năm 2012.

Để đáp ứng tốt hơn nữa việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng, Trường TCXD số 4 đã lập đề án thành lập Trường Cao đẳng xây dựng trên cơ sở nâng cấp Trường TCXD số 4 và đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, đóng góp ý kiến cho Đề án và có văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định.

Theo Đề án Trường CĐXDMB có các chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, trung

cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng và các ngành nghề có liên quan, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp đáp ứng nhu cầu của xã hội, có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, tự tạo được việc làm cho mình và xã hội, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

- Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, thực hiện các loại hình dịch vụ khoa học, công nghệ và sản xuất; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định;

- Quản lý sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân và gia đình của học viên trong hoạt động giáo dục;

- Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động của nhà trường theo quy định hiện hành;

- Công khai những cam kết về chất lượng đào tạo, chất lượng đào tạo thực tế, các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu chi tài chính hàng năm;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

Cơ cấu tổ chức của Trường CĐXDMB sẽ bao gồm Hội đồng Trường, Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng khác; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; các phòng ban chức năng, các khoa và tổ bộ môn, các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các cơ sở phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các đơn vị dịch vụ và sản xuất trực thuộc, các đoàn thể và tổ chức xã hội, các lớp học sinh.

Để đảm bảo đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo, nhà trường sẽ từng bước tăng biên chế, tuyển dụng giáo viên mới đảm bảo số lượng, chất lượng, có đủ năng lực, tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, đồng thời tiếp tục cử giáo viên đi học nâng cao trình độ cả về

chuyên môn và chính trị, có các chính sách khuyến khích thích đáng đối với người đi học; phấn đấu đến năm 2013 có 40% - 45% giáo viên đạt trình độ thạc sỹ trở lên.

Tại cuộc họp các đại biểu đã bày tỏ sự đồng tình với sự cần thiết của việc thành lập Trường CĐXDMB và đóng góp ý kiến nhằm làm rõ hơn một số nội dung của Đề án tạo điều kiện thuận lợi cho việc thẩm định và phê duyệt, theo đó ngoài việc đề án cần bám sát các yêu cầu do Bộ Giáo dục và đào tạo đề ra về quy trình, thủ tục thành lập trường cao đẳng nêu tại Quyết định số 2368/QĐ-BGDĐT ngày 9/5/2007, mặt khác cần lưu ý xây dựng lộ trình cụ thể cho việc

xây dựng lực lượng giáo viên cũng như bảo đảm khả năng tài chính cho hoạt động của nhà trường sau này,...

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị Trường TCXD số 4 tiếp thu các ý kiến đóng góp nhằm làm rõ thêm một số nội dung của Đề án, trong đó cần lưu ý bám sát 4 vấn đề mấu chốt là cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nguồn sinh viên và tài chính, nhanh chóng hoàn chỉnh Đề án trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt.

Huỳnh Phước

## **Nâng cao chức năng xây dựng và hài hòa môi trường sống của đô thị**

Huyện Tây Bình nằm ở phía Nam tỉnh Hà Nam, cách Vũ Hán 300km về phía Nam, cách sân bay quốc tế Tân Liên 130km về phía Bắc, ở vào vị trí “vòng kinh tế một ngày” của hai thành phố lớn Tân Liên và Vũ Hán. Giao thông của huyện Tây Bình gồm có tuyến đường sắt Kinh Quảng, đường cao tốc Kinh Châu, tuyến quốc lộ số 107, đường sắt cao tốc Thạch Vũ, đường cao tốc Cao Lan.

Toàn huyện có 18 hương trấn, hai khu phố văn phòng và một nông trường quốc doanh, tổng số dân là 860.000 người, huyện có diện tích 1.089,77km<sup>2</sup>, trong đó đất canh tác chiếm khoảng 1,18 triệu mẫu.

Những năm gần đây, huyện Tây Bình không ngừng đẩy mạnh công tác quản lý xây dựng thành phố, cố gắng xây dựng hài hòa với môi trường trong toàn khu vực. Chính quyền Huyện luôn chú trọng tới việc xây dựng “một tuyến ba khu vực” (trong đó một tuyến là: quốc lộ 107; ba khu vực là: khu vực phố cổ, khu đô thị mới phía Tây thành phố, khu vực tập trung các khu công nghiệp). Mục đích chính là để 3 khu vực này liên kết chặt chẽ với nhau, làm cơ sở để triển

khai mọi hoạt động, để thành phố luôn phát triển bền vững và hài hòa.

Trải qua nhiều năm không ngừng phát triển, diện mạo huyện Tây Bình đã có nhiều thay đổi lớn. Diện tích khu quy hoạch thành phố là 58km<sup>2</sup>, diện tích khu xây dựng là 25km<sup>2</sup>, đã tăng 5km<sup>2</sup> so với năm 2005; đường phố trong đô thị dọc ngang đan xen nhau, khu công nghiệp tập trung dày đặc các tuyến đường, kế hoạch sẽ thi công 8 con đường cho khu đô thị mới phía Tây thành phố. Bình quân diện tích nhà ở của người dân là 28m<sup>2</sup>, tỉ lệ nước tự nhiên chiếm 89%, khí đốt chiếm 90%, tỉ lệ phủ xanh trong đô thị là 36%, số dân thành phố gần 200 nghìn người, mức độ đô thị hóa đạt 31,3%, cao hơn so với năm 2005 là 7,3%. Sự phát triển nhanh chóng của đô thị, đã thúc đẩy nền kinh tế của toàn huyện phát triển, xã hội văn minh tiến bộ và thúc đẩy người dân cùng góp sức xây dựng thành phố có một môi trường sống và làm việc sạch sẽ, sáng đẹp, hài hòa. Huyện Tây Bình đã trở thành huyện tiên tiến trong việc xử lý đồng bộ tình hình an sinh xã hội, là huyện thí điểm thực hiện dự án hợp tác giữa các

doanh nghiệp hương trấn 3 miền với nhau, là huyện thí điểm nằm trong tiến trình thúc đẩy đô thị hóa, là huyện trọng điểm trong việc mở rộng phát triển đối ngoại, là huyện tiến tiến trong việc tổ chức và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, huyện có mô hình trị an, văn minh, vệ sinh cấp tỉnh ...

### **1. Phát huy vai trò dẫn đầu trong quy hoạch, tăng cường kiểm soát vĩ mô đô thị**

Huyện Tây Bình trong nhiều năm qua đã quan tâm cao độ cho công tác quy hoạch, lên kế hoạch chi tiết cho sự phát triển của huyện. Dựa vào chủ trương, đường lối của Chính phủ, Tây Bình đã đề ra ý tưởng đối với việc thực hiện “một tuyến ba khu vực” và xây dựng nông thôn mới, tiến hành sửa đổi, bổ sung “Quy hoạch tổng thể huyện Tây Bình năm 2010- 2030”, hoàn thành quy hoạch tổng thể khu công nghiệp tập trung, quy hoạch hệ thống thôn trang huyện, nội dung quy hoạch chi tiết có tính kiểm soát rõ ràng, quy hoạch dự án xây dựng khu đô thị, quy hoạch cải tạo khu phố cổ, quy hoạch cơ sở hạ tầng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và thị trấn.

Nhằm đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, huyện Tây Bình đã quán triệt nguyên tắc tuân thủ quy hoạch, quy hoạch có tầm nhìn xa, có tính khoa học, đi sâu vào điều chỉnh hệ thống quy hoạch, phát huy chỉ đạo từ những bước thực hiện đầu tiên. Đến nay, huyện Tây Bình đã hoàn thiện các quy hoạch chuyên ngành như: quy hoạch giao thông, hạ tầng cấp nước, thoát nước, cây xanh...thực hiện công khai quy hoạch, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng đô thị được rõ ràng, trình tự và phạm vi xây dựng được thực hiện theo đúng quy định. Năm 2010, huyện Tây Bình đã ban hành 180 lệnh thông báo dừng xây dựng công trình, đình chỉ 162 hộ gia đình vi phạm điều lệ xây dựng, phá dỡ 25 cơ sở làm ảnh hưởng đến diện mạo của đô thị, xử lý hơn 4000m<sup>3</sup> nguyên vật liệu chiếm dụng đường sá, phá dỡ hơn 3.000m<sup>2</sup> xây dựng vi phạm điều lệ xây dựng, đảm bảo toàn huyện

được phát triển bền vững và phát triển theo đúng trình tự của nó.

### **2. Thực hiện xây dựng đạt tiêu chuẩn và chất lượng cao**

Những năm gần đây, huyện Tây Bình vẫn luôn coi việc xây dựng cơ sở hạ tầng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, huyện đều lên kế hoạch chi tiết cho việc xây dựng hàng năm. Ba năm trở lại đây, vốn tích lũy đầu tư xây dựng của huyện là hơn 1 tỷ NDT, riêng năm 2010 huyện đã đầu tư 370 triệu NDT vào các dự án xây dựng trọng điểm.

Những năm gần đây huyện Tây Bình đã tu sửa, làm mới hơn 40km đường ô tô, hoàn thành nâng cấp cải tạo hơn 100 nghìn m<sup>2</sup> đường đi bộ, xây dựng được hơn 40 nghìn mét đường ống dẫn nước. Năm 2010, trong kế hoạch thi công 8 con đường cho khu vực mới phía Tây thành phố thì đã có 5 con đường được khởi công, tại khu công nghiệp tập trung đã có 2 con đường đang tiến hành thi công, tổng thể đã cải tạo hơn 5.000m<sup>2</sup> mặt đường.

Trong công tác phủ xanh đô thị, huyện Tây Bình chú trọng phát triển công viên cây xanh, trồng cây xanh hai bên đường phố. Căn cứ vào nét đặt trung “mỗi đường mỗi cây mỗi cảnh”, tích cực mang màu xanh vào trong xây dựng, mở rộng các công trình màu xanh, tổng số cây xanh được trồng trên những con đường chính của đô thị là hơn 300.000 gốc, xây mới 12 công viên, diện tích là hơn 300.000 m<sup>2</sup>. Tỷ lệ phủ xanh chiếm khoảng 32%, bình quân diện tích cây xanh công cộng là 9,2 m<sup>2</sup>/người.

Bên cạnh đó, huyện Tây Bình cũng quan tâm thực hiện tốt việc xây dựng dịch vụ công cộng. Tại các khu đô thị, huyện đã xây dựng 32 nhà vệ sinh công cộng, 19 trạm tập kết rác thải, 16 bãi đỗ xe đạt tiêu chuẩn cao; xây mới một trạm xử lý rác công suất 200 tấn rác thải /ngày, xây mới một nhà máy xử lý nước thải với công suất xử lý 25.000 tấn/ ngày; Năm 2010, sau khi hoàn thành việc xây mới nhà máy và cải tạo mạng lưới đường ống cấp nước cũ của thành

phố, công suất cấp nước đạt của huyện đạt 30 nghìn tấn/ngày. Sau khi nhà máy nước mới được đưa vào vận hành, đã giải quyết triệt để vấn đề áp lực nước đối với các khu nhà cao tầng trong đô thị, chất lượng cuộc sống của người dân đã được cải thiện hơn rất nhiều. Huyện đã chi 270 triệu NDT trong tổng số vốn tích lũy để đầu tư lắp đặt gần 20 km đường ống dẫn khí đốt, tăng thêm hơn 5.000 hộ gia đình sử dụng khí đốt tự nhiên; tiến hành cải tạo và xử lý khoảng 7.000m đường sông từ thành Bắc đến thành Nam thuộc khu vực thành phố, xử lý gần 50 nghìn m<sup>3</sup> nước tù đọng. Đầu tư hơn 1 triệu NDT để lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại 7 điểm, lắp đặt mái che cầu vượt dành cho người đi bộ.

Đối với những khu phố cũ, huyện Tây Bình đã đẩy nhanh tiến độ cải tạo. Những dự án cải tạo nổi bật như: tiểu khu Đông Thành Danh Viện, tiểu khu hoa viên Thành Thế, hoa viên Văn Hóa, dự án mở rộng đường Nam... sau cải tạo, các công trình này đã được tăng thêm giá trị và phong cách diện mạo của đô thị, hiện còn rất nhiều kiến trúc, khuôn viên cũ khác cũng đang được tu sửa và nâng cấp.

Song song với việc cải tạo các khu phố cũ huyện Tây Bình cũng tích cực xây dựng các công trình tiện ích công cộng, hoàn thiện chức năng phục vụ công cộng trong thành phố. Huyện đã đầu tư hơn 11 triệu NDT cho việc xử lý toàn diện khu đô thị Tiểu Hồng Hà. Ngoài ra còn phải hoàn thiện thiết kế quy hoạch, kè sông, đảm bảo hai bên bờ có cây cối phủ xanh, hoa nở rộ rõ. Thực hiện cải tạo nâng cấp Quảng trường Đông Quang (quảng trường Bảo Nghiêm Tự), đồng thời còn có rất nhiều các công trình khác phục vụ cho hoạt động thể thao lành mạnh của người dân cũng đang được tiến hành quy hoạch và triển khai.

### **3. Tích cực thực hiện các dự án đảm bảo về nhà ở**

Trong bối cảnh tài chính hạn hẹp, năm 2008, huyện đã đầu tư 50 triệu NDT cho dự án

xây dựng nhà ở giá rẻ và nhà ở cho thuê phù hợp với những hộ gia đình có thu nhập thấp, tổng cộng đã xây dựng 254 căn hộ giá rẻ và 520 căn hộ cho thuê. Năm 2009, xây dựng 650 căn hộ giá rẻ. Năm 2010 xây mới thêm 700 căn hộ giá rẻ và 200 căn hộ cho thuê. Năm 2011, xây thêm 3.000 căn hộ cho thuê và 700 căn hộ giá rẻ. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, số lao động ở nơi khác chuyển đến ngày càng tăng, trong thời gian thực hiện “Kế hoạch 5 năm lần thứ 12”, mỗi năm huyện Tây Bình sẽ xây dựng khoảng 1.000 căn hộ cho thuê, để hỗ trợ những người lao động từ tỉnh khác đến có nơi cư trú và làm việc.

### **4. Tìm hiểu mô hình mới trong quản lý đô thị, xây dựng phải hài hòa với môi trường sống của người dân**

Để công tác quản lý đô thị thực hiện đúng tiêu chuẩn quy định, cần thiết lập đội giám sát xây dựng đô thị, phòng quản lý vệ sinh môi trường và phòng quản lý vườn hoa cây xanh mọi hoạt động đều dưới sự thống nhất chỉ đạo của Ban xây dựng nhà ở. Trình độ chuyên môn của nhân viên phải phù hợp với vị trí và có trách nhiệm với công việc của mình, đảm bảo công tác quản lý của thành phố được triển khai một cách thuận lợi.

Thiết lập cơ chế quản lý đan xen nhau, để tăng cường trách nhiệm đối với các cấp. Đồng thời, thúc đẩy mở rộng cải tạo môi trường của toàn thành phố. Do huyện luôn chú trọng tới sự tiến bộ và văn minh, nên không ngừng vận động các cơ quan chức năng phải quản lý đúng quy định, trách nhiệm rõ ràng đối với công tác xây dựng đô thị, giao thông...; đối với các đơn vị quản lý hệ phố và mặt bằng phải đảm bảo chế độ “Vệ sinh xanh sạch đẹp”, đối với đơn vị quản lý khuôn viên, sân vườn, phải luôn đảm bảo triển khai các hoạt động vệ sinh cây xanh đúng tiêu chuẩn quy định, liên tục kiểm tra và đánh giá, đồng thời toàn dân cũng phải tích cực gìn giữ và có ý thức bảo vệ môi trường đô thị.

Để công tác xây dựng của huyện Tây Bình

phát triển hơn nữa, chính quyền huyện đã đưa ra quyết định, bắt đầu từ năm 2011, huyện sẽ thực hiện kế hoạch 3 năm xây dựng nông thôn và thành thị, mục tiêu thực hiện: “năm thứ nhất sẽ xây dựng cơ sở hạ tầng, năm thứ 2 sẽ gặt hái thành quả và năm thứ 3 sẽ đổi mới hoàn toàn”. Khi có một sự thay đổi mới mẻ, cục bộ ngành công nghiệp được bố trí hợp lý, môi trường sống

phù hợp, chắc chắn Huyện Tây Bình sẽ được đổi mới và phát triển bền vững./.

**Vương Ninh**

*Nguồn: Tạp chí xây dựng Nông thôn & Thành thị số 8/2011*

**ND: Bích Ngọc – Khánh Ly**

## **Xây dựng nhà thấp tầng trong các đô thị lớn**

Trong giai đoạn xây dựng nhà ở thấp tầng quy mô lớn bằng phương pháp công nghiệp, các đề xuất mang tính lý thuyết về sự phân bố các công trình xây dựng nhà ở thấp tầng trong đô thị lớn đã định kỳ xuất hiện. Tuy nhiên, thời gian gần đây một vấn đề có tầm quan trọng như vậy xét về mặt hoàn thiện tổ chức không gian môi trường ở trên thực tế lại hầu như không nhận được sự quan tâm. Bắt đầu từ năm 1989, trong bối cảnh tình hình xã hội tại LB Nga đã thay đổi, các chủ đầu tư mới đã gây ảnh hưởng đáng kể lên quá trình thiết kế và xây dựng mà kết quả là các giải pháp xây dựng đô thị nào đó khác đã trở thành hiện thực. Cũng vào thời gian này tại Mátxcova đã xuất hiện hàng loạt các khu đô thị trong đó các nhà ở thấp tầng kiểu hợp khối và nhà biệt thự đơn lập đã được xây dựng. Đó là các khu đô thị Kosino-Zulebino, Tolstopaltsevo, Kurkino, Kozukhovo, Bắc Butovo và Nam Butotvo.

Trong quá trình khai thác sử dụng đất dự trữ tại khu vực Bắc Butovo các nhà thiết kế dưới sự chỉ đạo của Viện sỹ kiến trúc Ya. B. Belepolskyi lần đầu tiên đã giới thiệu với Hội đồng về các vấn đề xã hội trực thuộc Ủy ban Kiến trúc thành phố Mátxcova đề án xây dựng nhà ở thấp tầng tại các khu vực đất đai mới được đưa vào sử dụng. Đề xuất của họ được xây dựng trên cơ sở làm nổi bật môi trường cảnh quan - thiên nhiên độc đáo, đã không nhận được sự ủng hộ. Sự mâu thuẫn giữa hai quan điểm đối nghịch nhau về các vấn đề quy hoạch dẫn đến sự chiến



*Mô hình Dự án xây dựng ở phố Kosino-Zulebino*

thắng của các quan điểm mang tính “kinh tế nhiều hơn là “xây dựng đô thị”. Từ đó đã nảy sinh phương án xây dựng nhà tổ hợp có số tầng khác nhau (từ 4 tầng đến 16 tầng) kết hợp với các khu đất biệt lập được lựa chọn có bố cục hợp lý dành để xây nhà 22 tầng. Theo quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực Bắc Butovo nhà 4 tầng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (không quá 1,5%) trong tổng diện tích, vì vậy phương pháp xây dựng này cuối cùng đã quyết định bộ mặt không gian của khu vực nhà ở tại Bắc Butovo. Đặc điểm bố cục cơ bản trong cấu trúc quy hoạch của khu vực này là bãi bồi của sông Bytets và tuyến đường đại lộ Dmytri Donskoi nối từ đường ô tô vành đai Mátxcova đến bìa rừng ở phía Nam. Chính cấu trúc của hệ thống giao thông bảo đảm sự kết nối một cách thuận lợi khu vực ở với thành phố nhiều triệu dân đã hỗ trợ cho bố cục giản đơn nêu trên. Một trung



*Khu đô thị Nam Butovo*



*Phố Checherskiy tại Khu đô thị Nam Butovo*

tâm công cộng với các toà nhà thương mại - khách sạn và các toà nhà nhiều công năng và có các điểm giao cắt giữa các tuyến giao thông ngầm và các tuyến giao thông trên mặt đất, được hình thành tại điểm giao cắt giữa trục thiên nhiên với tuyến đường trung tâm.

Giải pháp tăng dần số tầng (từ 4 tầng lên đến 12 - 16 tầng rồi đến 22 tầng) phỏng theo sự tăng chiều cao của địa hình địa phương đã có tác dụng làm tăng thêm nhiều lần hiệu ứng cảm thụ không gian mang đặc tính độc đáo của địa hình. Quá trình xây dựng các phố Znamenskiesadki và Starokachalovskaya lại được bổ sung thêm tổ hợp nhà ở cao tầng “Sinhaya Ptitsa”. Sự xuất hiện của các toà nhà hợp khối 4 tầng đã cải thiện đáng kể tình trạng xây dựng đô thị nói chung. Kinh nghiệm xây dựng nhà số tầng hỗn hợp sau đó đã được tiếp tục phát triển trong xây dựng ở khu vực Nam Butovo. Tại đây các ô phố số 4,5 và 6 đã trở thành hình mẫu nào đó về phương pháp xây dựng nêu trên.

Đầu thập niên 1990, với mục tiêu hỗ trợ chính quyền thành phố giải quyết các vấn đề, việc đưa khu đất dự trữ của thành phố Mátxcova nằm giữa khu vực nhà ở Bắc Butova và sân bay Ostaphievo ở phía Nam đã được triển khai. Cảnh quan địa hình độc đáo ở nơi này cho phép các nhà thiết kế đề xuất sơ đồ bố cục quy hoạch mới cho khối nhà ở lớn trên quy mô diện tích 300 ha. Quy hoạch của các ô phố được cải thiện hơn thông qua sự kết hợp xây



*Nhà ở hợp khối có số tầng hỗn hợp*

dựng nhà thấp tầng và nhà cao tầng; không gian sân, quảng trường trở nên phù hợp với con người và tiện nghi cho con người sống ở nơi này điều mà không phải dễ dàng có được với các đô thị lớn. Ý tưởng chính của bố cục quy hoạch tuân theo giải pháp tăng dần số tầng của nhà trong quá trình tiến đến gần khu vực công viên (diện tích trên 120 ha) đi dọc theo thung lũng sông Koryushka.

Về điểm đặc biệt của cấu trúc quy hoạch khu vực Bắc Butovo thì ngoài những gì đã được nêu ở phần trên còn phải đề cập sự tồn tại của các khu vực công cộng nhỏ bên trong mỗi ô phố nơi có bố trí nhiều nhà để xe nhiều tầng trong khoảng cách phù hợp với khả năng tiếp cận của người đi bộ, qua đó góp phần giải quyết được rất nhiều vấn đề xã hội. Sự độc đáo của giải pháp quy hoạch xây dựng còn thể hiện ở việc đưa vào cơ cấu khu vực Nam Butovo một

khu nhà ở được hình thành từ các khối nhà ở thấp tầng và các khối nhà biệt thự.

Như vậy, tại quận hành chính Tây Nam của Mátxcova, việc xây dựng nhà thấp tầng được triển khai qua hai giai đoạn, đầu tiên là ở khu đô thị Bắc Butovo sau đó là khu đô thị Nam Butovo. Các khu vực xây dựng biệt thự đơn lập cùng với các nhà ở nhiều tầng đã trở thành các công trình được đánh giá cao với thời gian. Mỗi khu vực trong số đó cần phải có cấu trúc xây dựng đô thị và cấu trúc quy hoạch thống nhất xét trên cả quy mô của toàn bộ khu đô thị này. Ngay cả khu dân cư "Potapovo" bao gồm 17 nhóm và tổ hợp nhà ở tổng diện tích khoảng 380.000 m<sup>2</sup> cũng trở thành một khu vực tương tự như trên.

Sau khi chính quyền thành phố Mátxcova có Quyết định số 2660 ngày 20/12/2006 "triển khai thực hiện đồ án quy hoạch khu vực xây dựng tổ hợp "G" tại khu đô thị Nam Butovo" thì cùng với việc xây dựng tiểu khu số 11 và các nhà ở đô thị, việc chuẩn bị đất cho việc xây dựng các nhà biệt thự cũng được đẩy mạnh. Khu đất này bao gồm cả một công viên được xây dựng mới với diện tích mặt nước gần 48 ha.

Trong quá trình xác định cấu trúc quy hoạch và bố cục của khu nhà ở được bố trí các loại nhà ở thấp tầng và nhà ở biệt thự, tất cả các đặc điểm về thiên nhiên - cảnh quan của khu vực đều đã được xem xét và tính đến. Việc tính đến các đặc điểm của công tác xây dựng nhà thấp tầng trong đô thị lớn dẫn đến việc đưa ra khái niệm "nhóm nhà ở" thay cho khái niệm "tiểu khu". Giới hạn của "nhóm nhà ở" là các chỉ giới đường đỏ của các đường lớn của đô thị, các đường bao của công viên và đường phố lớn. Các cửa hàng bách hoá, trung tâm công cộng, trường phổ thông, trường mẫu giáo, mầm non được bố trí tại các khu vực phù hợp khả năng tiếp cận của người đi bộ. Đường cho người đi bộ được bố trí dọc theo các đường phố lớn mà các đường phố lớn này được xây dựng song song với các đường lớn của đô thị. Hướng tuyến bố



*Khu nhà ở biệt thự "Potapovo" ở Khu đô thị Nam Butovo*

cục chính mà hình thành từ các đường phố lớn có hướng đi thẳng kết nối trung tâm chung của đô thị với nhà ga trên cao của đường sắt đô thị và sau đó là với hồ lớn. Mặt khác đường phố lớn đi theo hướng thẳng này lại được kết nối với các hồ nước nhỏ nằm trên khu vực của làng Potapovo hiện có.

Việc tổ chức kiến trúc - không gian của các công trình xây dựng tại khu vực trung tâm tuân theo ý tưởng về mở tầm nhìn về phía các đường viền ngang màu xanh được hình thành từ các nhà biệt thự nằm về phía Bắc cũng như phía Nam của đường phố lớn bên trong, giữa các tổ hợp nhà ở số 72 và 126. Tổ hợp các ngôi nhà của Nhà thờ Thánh Vladimirsкая Boziya Materya hoàn thành phối cảnh của đường phố.

24 kiểu biệt thự loại đơn lập và hợp khối diện tích sử dụng của mỗi biệt thự đạt từ 150 đến 500 m<sup>2</sup> đã được thiết kế để sử dụng cho việc xây dựng Khu đô thị Alpha. Hiện nay các tổ hợp nhà số 79 và 135 đang được hoàn thành và công tác chuẩn bị đất cho xây dựng tổ hợp nhà số 72 cũng đang được thực hiện. Quy hoạch đề cập việc xây dựng tất cả các loại công trình hạ tầng xã hội cần có như trường phổ thông, vườn trẻ, cơ sở luyện tập thể dục dụng cụ sức chứa 350 học viên, các trung tâm thương mại - công cộng. Việc xây dựng mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật lớn thuộc trách nhiệm của thành phố và bằng kinh phí của thành phố kể cả đối với các con đường mà trong tương lai sẽ

là tuyến đường của các phương tiện vận tải công cộng. Các biện pháp nêu trên nhằm cải thiện điều kiện hạ tầng xã hội phục vụ cho đời sống của cư dân sống tại khu biệt thự như là một bộ phận hữu cơ thống nhất của đô thị lớn.

Khu nhà ở lớn đang được hình thành mà chủ yếu bao gồm các nhà ở kiểu biệt thự và nhà ở thấp tầng hợp khối có chung một hệ thống phục vụ giao thông với các khu nhà ở khác được xây dựng tại khu vực Bắc và Nam Butovo và khu vực Sherblinka nằm về phía đông của tuyến đường sắt Kusk, với tất cả các nhà ga của tuyến đường sắt đô thị trên cao, với tất cả các tuyến đường tàu điện ngoại vi đô thị. Trong tương lai

cùng với sự xuất hiện của tuyến đường tàu điện ngầm đi về phía ga tàu điện ngầm "Bittsevskiy Les" sẽ mở ra khả năng kết nối hành khách ở nút giao thông trung chuyển với ga tàu điện ngầm "Dmytri Donskoy" về phía tuyến đường Kaluzsko - Ryzskiy. Do đó khu vực mới xây dựng nằm ở khu vực Tây - Nam của Mátxcova sẽ đi vào hoạt động đầy đủ trong hệ thống của một thành phố nhiều triệu dân.

**Narbayev Baturbiek Mukatayevich**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng  
Mátxcova, số 1/2010*

**Dịch và biên tập: H. Phước**



# **Lễ khai mạc Hội khỏe cơ quan Bộ Xây dựng năm 2012**

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2012



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu khai mạc Hội khỏe



Các đoàn vận động viên tham gia Hội khỏe